|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

Luật SHTT hiện hành có tổng số 234 điều.

| **Luật Sở hữu trí tuệ[[1]](#footnote-1)** | **Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ** | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- |
| **Điều 3. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ** | **Điều 3. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3* |
| 1. Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. | Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, **tín hiệu cáp,** tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa. | Bổ sung “tín hiệu cáp” là đối tượng được bảo hộ quyền liên quan theo Điều 18.79 Hiệp định CPTPP. |
| **Điều 4. Giải thích từ ngữ** | **Điều 4. Giải thích từ ngữ** | Sửa đổi khoản 1, khoản 13 và bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 4 |
| 1. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. | 1. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với ~~tài sản trí tuệ,~~**các đối tượng của** ~~bao gồm~~ quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. | Sửa đổi khái niệm về quyền SHTT cho phù hợp với việc bổ sung khái niệm tài sản trí tuệ. |
|  | **1a. Tài sản trí tuệ là quyền tài sản gắn liền với đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ được pháp luật bảo hộ, có giá trị kinh tế và khả năng khai thác thương mại.** | Bổ sung giải thích từ ngữ “tài sản trí tuệ” làm rõ quyền tài sản trong quyền SHTT là tài sản, có giá trị kinh tế và khả năng khai thác thương mại để thuận lợi cho hoạt động của sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự. |
| 13. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm hoặc sản phẩm phức hợp. | 13. “Kiểu dáng công nghiệp” là hình dáng bên ngoài của ~~sản phẩm~~ **toàn bộ** hoặc **một phần của sản phẩm vật lý hoặc sản phẩm phi vật lý** ~~hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp~~, được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này và nhìn thấy được trong quá trình khai thác công dụng của sản phẩm ~~hoặc sản phẩm phức hợp.~~ | Sửa đổi, bổ sung khái niệm kiểu dáng công nghiệp (KDCN) để mở rộng đối tượng được bảo hộ theo cả 2 hướng:  (i) mở rộng đối tượng bảo hộ bao gồm cả KDCN của một phần sản phẩm, thay vì chỉ bảo hộ KDCN của toàn bộ sản phẩm hoặc bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp như Luật hiện hành.  Cơ chế này cho phép nhà sáng tạo/chủ sở hữu quyền tập trung nguồn lực vào việc bảo hộ những đặc điểm thiết kế đặc trưng, có giá trị thương mại cao nhất của một sản phẩm; giúp ngăn chặn hiệu quả các hành vi sao chép tinh vi, ví dụ chỉ sao chép phần thiết kế hấp dẫn nhất và thay đổi các chi tiết khác để không bị coi là xâm phạm quyền, nhất là trong bối cảnh công nghệ in 3D bùng nổ. Cơ chế bảo hộ này đang trở nên phổ biến trên thế giới, được thực hiện tại Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, v.v. Ngoài ra, việc bảo hộ KDCN của một phần sản phẩm là tiền đề quan trọng để mở ra khả năng bảo hộ KDCN của sản phẩm phi vật lý như giao diện đồ họa người dùng (GUI), vốn là những sản phẩm không thể tồn tại độc lập nếu không có các thiết bị phần cứng, cũng khó có thể coi là “bộ phận để lắp ráp thành sản phẩm phức hợp” được.  (ii) mở rộng bảo hộ cho KDCN của cả sản phẩm phi vật lý, thay vì chỉ áp dụng với sản phẩm vật lý như pháp luật hiện hành.  Các sản phẩm phi vật lý được bảo hộ KDCN phổ biến là GUI, biểu tượng (icons) - là ký hiệu đồ họa nhỏ làm lối tắt trực quan đến ứng dụng hoặc tệp tin…, hoạt ảnh và hiệu ứng chuyển động (animations and motion graphics) - là hiệu ứng thị giác khi thực hiện các thao tác, kiểu chữ (typefaces), **hình dáng của các tài sản số theo Luật Công nghiệp công nghệ số**, v.v. Đây là những sản phẩm ngày càng trở nên phổ biến trong thời đại công nghệ số phát triển như hiện nay. Việc bảo hộ KDCN cho các sản phẩm này đang trở thành xu hướng rõ nét trên toàn cầu, được bảo hộ tại Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, EU, Singapore, v.v. Pháp luật hiện hành của VN chưa bảo hộ KDCN sản phẩm phi vật lý, dẫn đến hạn chế khả năng bảo vệ thành quả sáng tạo của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư công nghệ tại VN. |
| **Điều 7. Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ** | **Điều 7. Giới hạn quyền sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 7* |
| 2. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và không được vi phạm quy định khác của pháp luật có liên quan.Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không được ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca. | 2. Việc thực hiện quyền sở hữu trí tuệ không được xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và **phải tuân thủ** ~~không được vi phạm các~~ quy định ~~khác~~ của **Luật này** và pháp luật **khác** có liên quan. Tổ chức, cá nhân thực hiện quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không được ngăn chặn, cản trở việc phổ biến, sử dụng Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7*  Chỉnh lý như trong dự thảo để làm rõ hơn việc giới hạn của quyền SHTT được trao theo quy định này phải tuân thủ pháp luật khác có liên quan (ví dụ: pháp luật về cạnh tranh, an ninh mạng, bảo vệ thông tin cá nhân, kiểm soát nội dung, v.v.). |
| 3. Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp; việc giới hạn quyền đối với sáng chế thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ. | 3. Trong trường hợp nhằm bảo đảm mục tiêu quốc phòng, an ninh, dân sinh và các lợi ích khác của Nhà nước, xã hội quy định tại Luật này, Nhà nước có quyền cấm hoặc hạn chế chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thực hiện quyền của mình hoặc buộc chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng một hoặc một số quyền của mình với những điều kiện phù hợp**, bao gồm cả việc cấp phép không tự nguyện, việc cho phép dưới hình thức chuyển giao quyền sử dụng theo quyết định bắt buộc của cơ quan quản lý nhà nước**; việc giới hạn quyền đối với sáng chế thuộc bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của Chính phủ. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7*  Bổ sung "bao gồm cả việc cấp phép không tự nguyện, việc cho phép dưới hình thức chuyển giao quyền sử dụng theo quyết định bắt buộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền" vì cần làm rõ bằng các thuật ngữ pháp lý cụ thể như "cấp phép không tự nguyện" (compulsory licensing) để tăng cường tính minh bạch và chắc chắn pháp lý. Điều này giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về các cơ chế mà Nhà nước có thể áp dụng khi cần thiết, đặc biệt trong các trường hợp khẩn cấp hoặc phục vụ lợi ích công. |
|  | **4. Quyền sở hữu trí tuệ có thể bị huỷ bỏ hiệu lực hoặc bị cấm sử dụng nếu xung đột với quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác phát sinh hoặc được xác lập trước.** | *Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 7*  Bổ sung nguyên tắc làm rõ trường hợp quyền bị xung đột quyền thì quyền được xác lập trước được ưu tiên. Cần có nguyên tắc này thì khi xác định có xung đột quyền các cơ quan có thẩm quyền mới có căn cứ để ra quyết định hoặc phán quyết rằng quyền SHTT của tổ chức, cá nhân phải bị hủy bỏ hiệu lực hoặc cấm sử dụng. Quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân không đương nhiên bị cấm sử dụng hoặc huỷ bỏ chỉ bởi nguyên tắc này. |
| **Điều 8. Chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ** | **Điều 8. Chính sách của Nhà nước về sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4, bổ sung các khoản 3a và 3b sau khoản 3, các khoản 6 và 7 sau khoản 5 Điều 8* |
| 2. Khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác tài sản trí tuệ thông qua hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. | 2. Khuyến khích, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác**, phát triển** tài sản trí tuệ thông qua hỗ trợ về tài chính, ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật nhằm **nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia,** góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của **N**hân dân. | Luật SHTT hiện hành chưa có những quy định cụ thể về các biện pháp để thúc đẩy và tạo thuận lợi cho việc khai thác thương mại quyền SHTT trong khi năng lực khai thác thương mại quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân Việt Nam còn hạn chế, chưa có quy định rõ ràng về thương mại hóa sáng chế, cấp phép, đánh giá, định giá, thế chấp bằng quyền SHTT; chưa thúc đẩy được thị trường về quyền SHTT. Trong khi đó, đây là những yếu tố quan trọng để SHTT thực sự và trực tiếp đóng góp được vào phát triển kinh tế – xã hội; là công cụ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hoạt động khoa học và công nghệ. Vì vậy, việc tăng cường đầu tư nguồn lực cho hoạt động bảo hộ quyền SHTT là vô cùng cần thiết để thực hiện mục tiêu về phát triển khoa học và công nghệ đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW cũng như đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68-NQ/TW cũng đã nêu rõ những yêu cầu đối với lĩnh vực SHTT). Vì vậy, cần phải:  - Bổ sung cụm từ “phát triển”: Việc nhấn mạnh thêm "phát triển" sẽ khuyến khích không chỉ việc tạo ra và khai thác, mà còn cả việc nâng cấp, hoàn thiện và nhân rộng các tài sản trí tuệ. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh công nghệ thay đổi nhanh chóng, đòi hỏi sự liên tục cải tiến.  - Bổ sung "nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia": Mục tiêu này cần được làm rõ trong chính sách của Nhà nước về SHTT. SHTT là một yếu tố then chốt để nâng cao vị thế cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế. Việc bổ sung cụm từ này sẽ định hướng rõ ràng hơn cho các chính sách hỗ trợ. |
| 3. Hỗ trợ tài chính cho việc tạo ra, nhận chuyển giao, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phục vụ lợi ích công cộng; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. | 3. **Nhà nước ưu tiên mua quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng có ý nghĩa quan trọng đối với an ninh quốc gia, thiết yếu đối với phát triển kinh tế – xã hội,** ~~H~~hỗ trợ tài chính cho việc tạo ra, nhận chuyển giao, khai thác quyền sở hữu trí tuệ phục vụ lợi ích công cộng~~; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ cho hoạt động đổi mới sáng tạo và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ~~; | - Bổ sung quy định Nhà nước mua các quyền SHTT có ý nghĩa quan trọng nhằm chuyển các quyền SHTT có giá trị quan trọng từ sở hữu cá nhân thành sở hữu của Nhà nước, từ đó cho phép sử dụng rộng rãi hơn.  Trong trường hợp không cần thiết phải mua toàn bộ quyền SHTT, để đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm chống lãng phí, Nhà nước có thể hỗ trợ tài chính hoặc khuyến khích tài trợ để tạo ra, nhận chuyển giao, hoặc khai thác đối tượng SHTT đó mà vẫn đảm bảo tinh thần khuyến khích đổi mới sáng tạo.  - Bổ sung điểm 3b quy định về việc các nhiệm vụ KHCN phải thực hiện tra cứu tình trạng kỹ thuật đã biết trước khi được phê duyệt để nâng cao chất lượng kết quả đầu ra của các nhiệm vụ, tránh nghiên cứu trùng lặp. Nội dung này đã được quy định tại Điều 31.3. của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP (hướng dẫn Luật SHTT) và được chỉnh sửa cho phù hợp với Luật KHCN & ĐMST. |
|  | **3a. Nhà nước tiên phong đặt hàng, mua sắm, sử dụng sản phẩm, dịch vụ được tạo ra chủ yếu trên cơ sở ứng dụng tài sản trí tuệ là phần mềm, sáng chế, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra tại Việt Nam, phù hợp với quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.** |
|  | **3b. Hỗ trợ tài chính cho việc tạo ra, xác lập, đăng ký, ghi nhận, công bố, bảo hộ, khai thác, quản lý, sử dụng, phát triển tài sản trí tuệ nội địa; hỗ trợ tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện định giá, áp dụng các mô hình chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, cơ chế chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ giữa nhà nước, tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học công nghệ; góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ.** |
|  | **3c. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ nghiên cứu ứng dụng, trừ các nhiệm vụ nhằm áp dụng thử hoặc nhằm tìm ra các bí quyết kỹ thuật để khai thác thông tin sáng chế đã có, phải thực hiện tra cứu tình trạng kỹ thuật đã biết trước khi được phê duyệt.** |
| 4. Ưu tiên đầu tư cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan làm công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. | 4. Nhà nước ưu tiên phát triển hệ sinh thái sở hữu trí tuệ đồng bộ và hiệu quả, đặc biệt là:  a) Ưu tiên đầu tư ~~cho việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng liên quan làm~~ **phát triển nguồn lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng số phục vụ nghiệp vụ sở hữu trí tuệ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành sở hữu trí tuệ, công cụ, trang thiết bị cho** **công tác bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; bảo đảm hệ thống đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ minh bạch, dễ tiếp cận và đáp ứng nhu cầu của xã hội** ~~à nghiên cứu, ứng dụng khoa học - kỹ thuật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ~~;  **b) Thúc đẩy hình thành và nâng cao năng lực, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi cho các tổ chức trung gian, tổ chức bổ trợ cho phát triển, khai thác, sử dụng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ;**  c) **Ưu tiên đầu tư và hỗ trợ các hoạt động đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ và nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ nhằm hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ Việt Nam;**  **d) Đầu tư nguồn lực cho cơ quan bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, trong đó chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.**  **đ) Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập trạm làm việc di động cho các nhà sáng chế.** | Để SHTT thực sự và trực tiếp đóng góp được vào phát triển kinh tế – xã hội, cần phải phát triển đồng bộ hệ sinh thái SHTT (thay vì chỉ tập trung vào hệ thống các cơ quan quản lý). Quy định này nhằm tạo một khuôn khổ pháp lý vững chắc để Nhà nước thực hiện các chính sách đầu tư, ưu tiên hướng tới xây dựng một hệ sinh thái SHTT hoàn chỉnh, bao gồm các cấu phần: con người, công nghệ, thể chế và thị trường.  - SHTT là công cụ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hoạt động khoa học và công nghệ. Vì vậy, việc tăng cường đầu tư nguồn lực cho hoạt động bảo hộ quyền SHTT là vô cùng cần thiết để thực hiện mục tiêu về phát triển khoa học và công nghệ đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW cũng như đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68-NQ/TW cũng đã nêu rõ những yêu cầu đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ).  Trong những năm qua, Nhà nước đã có những sự quan tâm nhất định đến hoạt động này. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu và nhu cầu của xã hội về hoạt động bảo hộ quyền SHTT ngày càng tăng (đơn đăng ký tăng, nhu cầu về tư vấn, giải đáp pháp luật, hướng dẫn, cơ sở hạ tầng kỹ thuật cần phải được đầu tư (chuyển đổi số toàn diện, nâng cao các tính năng để hỗ trợ tổ chức, cá nhân đồng thời tăng năng hiệu suất làm việc của cán bộ, công chức v.v.). Trong khi đó, cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền SHTT gặp phải rất nhiều khó khăn như: khối lượng công việc phải thực hiện tăng liên tục qua các năm (mới có thể đáp ứng được nhu cầu của xã hội) nhưng vẫn phải thực hiện các chủ chương cắt giảm kinh phí chi hoạt động và giảm biên chế v.v. Điều này gây khó khăn cho việc triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu của xã hội về SHTT ngày càng cao như đơn được xử lý nhanh chóng, minh bạch về thông tin của quá trình xử lý đơn, tư vấn, giải đáp vướng mắc nhanh để không bị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; nâng cao nhận thức cho xã hội, trong đó có cả doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học; đào tạo nâng cao năng lực cho các cơ quan bảo vệ quyền SHTT.  - Bổ sung "phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao về SHTT ": Nhấn mạnh vào chất lượng của đội ngũ nguồn nhân lực làm công tác sở hữu trí tuệ. Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ngày càng đòi hỏi kiến thức chuyên sâu và khả năng thích ứng với công nghệ mới.  - Bổ sung “Ưu tiên đầu tư và hỗ trợ các hoạt động đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ và nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ nhằm hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ Việt Nam”: Việc nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ trong cộng đồng (doanh nghiệp, trường học, công chúng) sẽ giúp định hình văn hóa SHTT trong toàn xã hội, gia tăng sự tôn trọng quyền SHTT, giảm thiểu vi phạm và quan trọng hơn là thúc đẩy việc tạo ra và khai thác SHTT một cách hiệu quả hơn.  - Nhà nước nâng cao nhận thức về giá trị của SHTTvà khả năng sử dụng SHTTđể tạo ra lợi ích, hướng dẫn tổ chức, cá nhân Việt Nam về cách xác lập, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ của mình để nâng cao sức cạnh tranh.  - Bổ sung quy định về tăng cường nguồn lực cho cơ quan bảo vệ quyền SHTT; nâng cao nhận thức và năng lực của cơ quan bảo vệ quyền SHTT, người tiêu dùng; về xây dựng các hệ thống hỗ trợ bảo vệ quyền trực tuyến để phát hiện, theo dõi, tra cứu, cảnh báo, xử lý vi phạm trên không gian số; quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến liên thông về bảo vệ quyền và cơ chế phối hợp liên ngành với mục tiêu nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền SHTT. |
| 5. Huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư nâng cao năng lực hệ thống bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | *Bổ sung khoản 6 và 7 vào sau khoản 5:*  **6. Chuyển đổi số toàn diện hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.**  **7. Khuyến khích các ngành, địa phương hỗ trợ các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học sở hữu quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, thiết kế bố trí ứng dụng các quyền sở hữu công nghiệp đó liên kết để sản xuất sản phẩm, dịch vụ, hình thành những cụm công nghiệp sản xuất sản phẩm, dịch vụ liên kết theo chuỗi giá trị.**  **8. Có chính sách vinh danh và khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích nổi bật trong hoạt động tạo ra và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.**  **9. Chính phủ xây dựng chương trình quốc gia về phát triển hệ sinh thái sở hữu trí tuệ.** | *Bổ sung khoản 6 và 7 vào sau khoản 5:*  Các Điều 16, 17 và 18 Luật KHCN&ĐMST quy định về biện pháp quản lý của nhà nước trong hoạt động KHCN&ĐMST là hình thành chương trình KHCN&ĐMST quốc gia và chương trình KHCN&ĐMST quốc gia đặc biệt. Kế hoạch số 01-KH/BCĐTQ ngày 02/6/2025 ban hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó có sáng Sáng kiến số 07 với nội dung xây dựng hệ sinh thái Sở hữu trí tuệ với mục tiêu tạo lập môi trường và cơ chế hiệu quả cho việc bảo hộ, khai thác, mua bán tài sản trí tuệ và thúc đẩy chuyển giao công nghệ giữa viện/trường và doanh nghiệp. |
|  | ***Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8 như sau:*** | *Bổ sung Điều 8a vào sau Điều 8* |
|  | **1. Các quyền sở hữu trí tuệ phải được ghi nhận vào sổ kế toán. Sau ghi nhận ban đầu, chủ sở hữu quyền có thể xác định lại giá trị hợp lý của quyền sở hữu trí tuệ tại thời điểm cuối kỳ lập báo cáo tài chính. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.**  **2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá các quyền sở hữu trí tuệ đã được giao dịch hợp pháp và các hướng dẫn chi tiết về phương pháp xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ.**  **3. Chính phủ ban hành các chính sách thí điểm về tài chính đối với quyền sở hữu trí tuệ bao gồm:**  **a) Hỗ trợ hoặc bảo lãnh vay vốn trên cơ sở thế chấp quyền sở hữu trí tuệ;**  **b) Sử dụng quyền sở hữu trí tuệ để huy động vốn trên thị trường chứng khoán;**  **c) Phát triển sản phẩm bảo hiểm và các sản phẩm tài chính khác liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.**  **4. Đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các chi phí được tính là chi phí hợp lý và được hưởng mức giảm trừ cao nhất theo các quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí để tạo ra, xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và giống cây trồng.**  **Doanh nghiệp được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp với mức ưu đãi cao nhất theo các quy định của pháp luật về thuế đối với phần thu nhập từ việc khai thác thương mại quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.**  **5. Tổ chức trung gian được hưởng mức thuế ưu đãi cao nhất đối với thu nhập từ các dịch vụ hỗ trợ để khai thác thương mại thành công quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.** | - Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế, bổ sung quy định nhằm tạo cơ sở để Chính phủ triển khai thí điểm một số chính sách về tài chính áp dụng thử nghiệm để đánh giá tính phù hợp và khả thi ở Việt Nam. Quy định này nhằm mục tiêu chính là biến tài sản trí tuệ thành tài sản có giá trị thương mại thực sự, có thể khai thác và sử dụng như các tài sản hữu hình khác. Từ đó, thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, tạo động lực cho các cá nhân và doanh nghiệp đầu tư vào việc tạo ra, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ.  Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang chuyển dịch sang nền kinh tế tri thức, tài sản trí tuệ ngày càng đóng vai trò quan trọng. Tuy nhiên, việc khai thác thương mại các tài sản này còn gặp nhiều rào cản, chủ yếu do thiếu các cơ chế tài chính chuyên biệt và hành lang pháp lý đồng bộ.  Nhà nước cần hỗ trợ vay vốn hoặc huy động vốn trên cơ sở thế chấp bằng tài sản trí tuệ, phát hành chứng khoán dựa trên tài sản trí tuệ, phát triển các sản phẩm bảo hiểm và sản phẩm tài chính khác liên quan đến quyền SHTT (ví dụ, xếp hạng theo uy tín), góp vốn bằng tài sản trí tuệ...  **-** Xây dựng cơ chế và quy định riêng phù hợp về các tiêu chuẩn xác định giá trị tài sản trí tuệ, kế toán liên quan đến tài sản trí tuệ vì việc xác định giá trị tài sản trí tuệ là một khâu khó khăn do giá trị của chúng thường biến động và phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tiềm năng thị trường, khả năng bảo hộ, và khả năng sinh lời. Thiếu các tiêu chuẩn xác định giá trị khiến các giao dịch tài sản trí tuệ trở nên thiếu tin cậy.  Tương tự, việc ghi nhận tài sản trí tuệ trong sổ sách kế toán cũng chưa có quy định rõ ràng. Việc xây dựng một bộ tiêu chuẩn xác định giá trị và hạch toán kế toán riêng cho tài sản trí tuệ sẽ tạo cơ sở vững chắc, minh bạch và thống nhất để các bên liên quan (ngân hàng, nhà đầu tư, cơ quan thuế) có thể tin tưởng và sử dụng khi thực hiện các giao dịch liên quan đến SHTT.  Kinh nghiệm quốc tế:   1. Nhật Bản   Cam kết tín dụng: Chính phủ thành lập các quỹ bảo lãnh (VD: Tổ chức Bảo lãnh Tín dụng Nhật Bản (JCGC)) cùng các tổ chức bảo lãnh tín dụng để đảm bảo khoản vay dùng SHTT làm tài sản đảm bảo nhằm hỗ trợ SME vay vốn ngân hàng.  Có quỹ phòng ngừa rủi ro: nếu SME không trả được nợ tạm thời, quỹ này sẽ thanh toán thay trước, sau đó SME hoàn trả sau. Báo cáo đánh giá IP của JPO: Từ 2015, JPO cung cấp IP Business Evaluation Report – báo cáo đánh giá tài sản SHTT miễn phí cho SME và ngân hàng, giúp ngân hàng ra quyết định cho vay dựa trên giá trị tài sản trí tuệ.  1. Hoa Kỳ   Bảo lãnh Khoản vay Liên bang cho Công nghệ Sáng tạo trong Sản xuất (Federal Loan Guarantees for Innovative Technologies in Manufacturing): Thành lập chương trình cung cấp bảo lãnh khoản vay cho các nhà sản xuất vừa và nhỏ để sử dụng hoặc sản xuất các công nghệ sáng tạo, sản xuất sản phẩm công nghệ sáng tạo, hoặc thương mại hóa một sản phẩm, quy trình hoặc ý tưởng sáng tạo được phát triển từ nghiên cứu được tài trợ toàn bộ hoặc một phần bởi trợ cấp của chính phủ liên bang. Bảo lãnh khoản vay có thể lên tới 80% tổng giá trị khoản vay.   1. Trung Quốc   Từ năm 2019, các cơ quan quản lý ban hành quy định thúc đẩy cho vay thế chấp SHTT, như: tách kế hoạch tín dụng riêng, nới trần nợ xấu cho vay SHTT, và miễn trách nhiệm cho ngân hàng nếu thực hiện đúng quy định nghiệp vụ.  Đối với bảo hiểm SHTT, từ năm 2011, CNIPA xúc tiến triển khai bảo hiểm sáng chế thông qua khảo sát nhu cầu, đào tạo, chuẩn hóa quy trình, và truyền thông nâng cao nhận thức. Chính phủ khuyến khích các công ty bảo hiểm phát triển sản phẩm phù hợp như: bảo hiểm trách nhiệm vi phạm SHTT ở nước ngoài, bảo hiểm thiệt hại do bị xâm phạm sáng chế, góp phần tăng khả năng phòng ngừa rủi ro và hỗ trợ doanh nghiệp.  Trung Quốc đã triển khai các cơ chế chia sẻ rủi ro đa bên (bảo lãnh, bảo hiểm, tái bảo hiểm), xây dựng xếp hạng rủi ro sáng chế, đồng thời phát triển các mô hình xử lý tài sản thế chấp như chuyển đổi thành cổ phần, cấp phép ngược, và đấu giá. Về tín dụng, từ năm 2014, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã thiết lập hệ thống dữ liệu tín dụng cho doanh nghiệp.  Trung Quốc sau một thời gian thử nghiêm cũng đã xây dựng Bộ chỉ số đánh giá sáng chế với ba trụ cột: giá trị pháp lý, kỹ thuật và kinh tế. Hệ thống này được áp dụng thí điểm tại nhiều viện, trường và doanh nghiệp.  iv) Singapore:  Khuyến khích các hoạt động thương mại hóa tài sản trí tuệ bằng việc tăng tỉ lệ hoàn thuế đối với lợi nhuận tạo ra từ thương mại hóa tài sản trí tuệ, đồng thời chính sách này cũng sẽ giúp tăng sự trung thực, minh bạch trong kê khai thuế. |
|  | **Điều 8b. Hoạt động về sở hữu trí tuệ trong doanh nghiệp nhà nước**  **1. Doanh nghiệp nhà nước phải thiết lập cơ chế đầu tư tạo ra và ứng dụng tài sản trí tuệ. Người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước chịu trách nhiệm về kết quả của hoạt động tạo ra, ứng dụng tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.**  **2. Doanh nghiệp nhà nước được chủ động sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp để đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp từ việc ứng dụng sáng chế, thiết kế bố trí mà không phải xin phép cơ quan đại diện chủ sở hữu bảo đảm phù hợp với các quy định liên quan về quản lý và đầu tư vốn nhà nước.** | Bổ sung Điều 8b vào sau Điều 8a |
| **Điều 9. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ** | **Điều 9. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:* |
| Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | **1.** Tổ chức, cá nhân có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.  **2. Khi thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình, tổ chức, cá nhân không được làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và lợi ích chung của xã hội.** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 9*  Bổ sung nguyên tắc việc thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền không được ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân khác tại khoản 2 để chống lạm dụng quyền SHTT. |
| **Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ** | **Điều 10. Nội dung quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 5, 6, 7 và 8 Điều 10* |
| 1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022 |
| 2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ. |  |
| 3. Tổ chức bộ máy quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:*  3. Tổ chức bộ máy quản lý về sở hữu trí tuệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về sở hữu trí tuệ **và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về sở hữu trí tuệ, bao gồm cả các chuyên gia giám định, định giá tài sản trí tuệ.** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3*  - Bổ sung "phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao": Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng một đội ngũ chuyên gia giỏi, không chỉ dừng lại ở đào tạo cơ bản.  - Bổ sung "bao gồm cả các chuyên gia giám định, định giá tài sản trí tuệ": Nhu cầu giám định và đặc biệt là định giá tài sản trí tuệ ngày càng tăng cao, phục vụ cho việc thế chấp, góp vốn, mua bán, chuyển giao công nghệ. Việc này đòi hỏi đội ngũ chuyên gia có kiến thức sâu rộng và kỹ năng thực tiễn. Việc đưa nội dung này vào điều khoản về quản lý nhà nước sẽ định hướng rõ ràng cho công tác đào tạo và phát triển nhân lực chuyên môn cao. |
| 4. Cấp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ giống cây trồng. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022 |
| 5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:*  5. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về sở hữu trí tuệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, **xây dựng các hệ thống hỗ trợ bảo vệ quyền trực tuyến nhằm phát hiện, theo dõi, tra cứu, cảnh báo, xử lý vi phạm trên không gian số; xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu trực tuyến liên thông về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế phối hợp trong việc thực hiện.** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 5*  Bổ sung nội dung xây dựng các hệ thống hỗ trợ bảo vệ quyền trực tuyến nhằm phát hiện, theo dõi, tra cứu, cảnh báo, xử lý vi phạm trên không gian số; xây dựng cơ sở dữ liệu trực tuyến liên thông về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và cơ chế phối hợp liên ngành trong việc cập nhật và duy trì cơ sở dữ liệu là một trong các nội dung quản lý nhà nước về quyền SHTT. |
| 6. Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:*  6. Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về sở hữu trí tuệ; **xây dựng, vận hành và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về sở hữu trí tuệ**. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 6*  Trong thời đại công nghệ số, cơ sở dữ liệu SHTT là tài nguyên vô cùng quan trọng, phục vụ công tác tra cứu, quản lý, thống kê và cung cấp thông tin công khai cho cộng đồng, doanh nghiệp. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước là xây dựng và duy trì hệ thống này một cách hiệu quả, minh bạch và dễ tiếp cận. |
| 7. Tổ chức, quản lý hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:*  7. Tổ chức, quản lý hoạt động **đại diện, tư vấn,** giám định về sở hữu trí tuệ, **đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;** **dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan**; **hoạt động về quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian**. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 7*  Bổ sung một số hoạt động hiện nay đang thực hiện các biện pháp quản lý nhà nước về SHTT nói chung và về quyền tác giả, quyền liên quan nói riêng. |
| 8. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:*  8. Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ; **và nâng cao nhận thức, năng lực khai thác, phát triển tài sản trí tuệ**. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 8*  Không chỉ dừng lại ở việc tuyên truyền luật pháp, mà cần đi xa hơn là nâng cao ý thức về giá trị của SHTT và khả năng sử dụng SHTT để tạo ra lợi ích. Điều này bao gồm việc hướng dẫn doanh nghiệp, cá nhân về cách xác lập, quản lý và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ của mình. |
| **Điều 11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ** | **Điều 11. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 11 như sau:* |
| 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | 1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. **Tòa án, Viện kiểm sát có trách nhiệm phối hợp với Chính phủ trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.** | Bổ sung cơ quan có trách nhiệm (Toà án, Viện kiểm sát) phối hợp với Chính phủ trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về SHTT. |
| 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và thực hiện quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.  Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan.  Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng. | 2. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệpvà **Môi trường** ~~Phát triển nông thôn~~ thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và thực hiện quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp. **Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng chiến lược và kế hoạch chi tiết để phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ ngành và địa phương**.  Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền tác giả và quyền liên quan.  Bộ Nông nghiệpvà **Môi trường**  ~~Phát triển nông thôn~~ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng. | Sửa đổi cho phù hợp với Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. |
| 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | 3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và **Môi trường** ~~Phát triển nông thôn~~, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. | Sửa đổi cho phù hợp với Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. |
| 4. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ tại địa phương theo thẩm quyền. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 5. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp. | 5. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và**Môi trường** ~~Phát triển nông thôn~~, Ủy ban nhân dân các cấp. | Sửa đổi cho phù hợp với Nghị quyết số 176/2025/QH15 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. |
| **Điều 12. Phí, lệ phí về sở hữu trí tuệ** | **Điều 12. Phí, lệ phí về sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung các khoản 2, 3, 4, 5 vào sau khoản 1:* |
| Tổ chức, cá nhân phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | **1.** Tổ chức, cá nhân phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này **và các quy định khác của pháp luật có liên quan.** | Bổ sung quy định đặc thù về nguồn chi để bảo đảm kinh phí cho việc kịp thời triển khai các hoạt động trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp như xử lý đơn, tham gia các hoạt động trong khuôn khổ các điều ước quốc tế về SHTT. SHTTlà lĩnh vực khá đặc thù, yêu cầu của điều ước quốc tế chi tiết đến quy trình xử lý các yêu cầu bảo hộ SHTT. Việc xử lý các yêu cầu bảo hộ quyền SHTT gắn chặt với việc tham gia thảo luận về các nguyên tắc, chia sẻ kết quả, kinh nghiệm xử lý. Việc chờ giao kinh phí hàng năm khiến cho nhiều hoạt động về sở hữu công nghiệp không được triển khai kịp thời, ảnh hưởng phần nào đến hiệu quả của hoạt động này. Do đó, đề xuất được tạm giữ tại cơ quan và nộp lại ngân sách toàn bộ số không được giao dự toán chi, đồng thời thực hiện nghĩa vụ báo cáo hàng tháng để phục vụ việc quản lý. |
|  | **2. Nhà nước bố trí đầy đủ và kịp thời kinh phí để tổ chức thu phí có đủ nguồn lực thực hiện các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này.** |
|  | **3. Cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp tổ chức quản lý và thực hiện thu phí, lệ phí theo quy định; hạch toán toàn bộ số tiền thu từ phí theo quy định vào Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước tại cơ quan. Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước là một bộ phận của Quỹ Ngân sách nhà nước, được hình thành từ nguồn thu của ngân sách nhà nước phát sinh tại cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp báo cáo số dư Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi Bộ Tài chính.** |
|  | **4. Cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp được sử dụng Quỹ Tạm giữ ngân sách nhà nước để đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức rút kinh phí theo kế hoạch, tiến độ thực hiện và tối đa không vượt quá dự toán ngân sách nhà nước được giao.**  Cơ quan trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp được lập dự toán chi ngân sách nhà nước thường xuyên giao tự chủ cho các hoạt động dịch vụ thu phí sở hữu công nghiệp. |
|  | **5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.** |
| **Phần II. QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| **Chương I. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ VÀ QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| ***Mục 1. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ*** | | |
| **Điều 15. Các đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả** | **Điều 15. Các đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả** | *Bổ sung các khoản 4 và 5 sau khoản 3 Điều 15 như sau:* |
| 1. Tin tức thời sự thuần túy đưa tin.  2. Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó.  3. Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| . | **4. Ý tưởng, khẩu hiệu, câu ngắn, tên tác phẩm một cách độc lập.**  **5. Sản phẩm không phải là kết quả hoạt động sáng tạo trí tuệ trực tiếp của con người.** | - Quyền tác giả chỉ bảo hộ cách thể hiện ý tưởng, không bảo hộ bản thân ý tưởng. Cần quy định rõ ý tưởng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả, giúp tránh hiểu lầm và tranh chấp.  - Tên tác phẩm, khẩu hiệu, hay các câu ngắn không đáp ứng tiêu chí để được coi là "tác phẩm" vì chúng thường không đáp ứng tiêu chí về tính sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định đủ dài hoặc phức tạp để được coi là tác phẩm. Tên tác phẩm chỉ có thể được bảo hộ quyền tác giả nếu không tách rời với nội dung tác phẩm.  - Quy định rõ sản phẩm không phải kết quả hoạt động sáng tạo trí tuệ trực tiếp của con người (như sản phẩm do AI tạo ra) thì không thuộc đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan. |
| ***Mục 2. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN LIÊN QUAN*** | | |
| **Điều 16. Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền liên quan** | **Điều 16. Tổ chức, cá nhân được bảo hộ quyền liên quan** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16* |
| 1. Diễn viên, ca sĩ, nhạc công, vũ công và những người khác trình bày tác phẩm văn học, nghệ thuật (sau đây gọi chung là người biểu diễn).  2. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại Điều 44 của Luật này. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Tổ chức, cá nhân định hình lần đầu âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác (sau đây gọi là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình). | 3. Tổ chức, cá nhân **khởi xướng và có trách nhiệm đối với việc** định hình lần đầu âm thanh, hình ảnh của cuộc biểu diễn hoặc các âm thanh, hình ảnh khác **hoặc sự tái hiện của âm thanh, hình ảnh đó** **trên bất kỳ phương tiện nào** (sau đây gọi là nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình). | - Bổ sung làm rõ về nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, phù hợp với quy định tại Điều 2 Hiệp ước WPPT, Điều 18.57 Hiệp định CPTPP.  - Bổ sung cụm từ “trên bất kỳ phương tiện nào” nhằm làm rõ việc định hình bản ghi âm, ghi hình không chỉ giới hạn ở các phương tiện vật lý truyền thống (như băng cassette, đĩa CD/DVD) mà còn bao gồm cả việc định hình dưới dạng kỹ thuật số, trên các nền tảng trực tuyến, hoặc bất kỳ công nghệ nào trong tương lai. Điều này đảm bảo tính bao quát và thích ứng của luật với sự phát triển của công nghệ số và các hình thức phân phối nội dung mới. |
| **Chương II. NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| ***Mục 1. NỘI DUNG, GIỚI HẠN QUYỀN, THỜI HẠN BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ*** | | |
| **Điều 22. Quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu** | **Điều 22. Quyền tác giả đối với chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22* |
| 1. Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng lệnh, mã, lược đồ hoặc dạng khác, khi gắn vào một phương tiện, thiết bị được vận hành bằng ngôn ngữ lập trình máy tính thì có khả năng làm cho máy tính hoặc thiết bị thực hiện được công việc hoặc đạt được kết quả cụ thể. Chương trình máy tính được bảo hộ như tác phẩm văn học, dù được thể hiện dưới dạng mã nguồn hay mã máy.  Tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả đối với chương trình máy tính có quyền thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp bản sao chương trình máy tính được làm một bản sao dự phòng để thay thế khi bản sao đó bị xóa, bị hỏng hoặc không thể sử dụng nhưng không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác. | 1. Chương trình máy tính là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng lệnh, mã, lược đồ hoặc dạng khác, khi gắn vào một phương tiện, thiết bị được vận hành bằng ngôn ngữ lập trình máy tính thì có khả năng làm cho máy tính hoặc thiết bị thực hiện được công việc hoặc đạt được kết quả cụ thể. Chương trình máy tính được bảo hộ như tác phẩm văn học, dù được thể hiện dưới dạng mã nguồn hay mã máy.  Tác giả và chủ sở hữu quyền tác giả đối với chương trình máy tính có quyền thỏa thuận bằng văn bản với nhau về việc sửa chữa, nâng cấp chương trình máy tính. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng hợp pháp bản sao chương trình máy tính được làm một bản sao dự phòng để thay thế khi bản sao đó bị xóa, bị hỏng hoặc không thể sử dụng nhưng không được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân khác. **Trường hợp chương trình máy tính được cung cấp dưới dạng dịch vụ hoặc thông qua các nền tảng trực tuyến thì việc tạo bản sao dự phòng thực hiện theo các điều khoản sử dụng hoặc thỏa thuận cấp phép giữa các bên.** | Bổ sung quy định trường hợp chương trình máy tính được cung cấp dưới dạng dịch vụ hoặc thông qua các nền tảng trực tuyến (người dùng không thực sự sở hữu một "bản sao" chương trình máy tính mà chỉ có quyền truy cập dịch vụ), thì việc làm bản sao dự phòng thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên. Việc làm rõ sẽ giúp áp dụng pháp luật linh hoạt hơn. |
| **Chương III. CHỦ SỞ HỮU QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| **Điều 39. Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả** | **Điều 39. Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39* |
| 2. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng với tác giả sáng tạo ra tác phẩm là chủ sở hữu các quyền quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 của Luật này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | 2. Tổ chức, cá nhân giao kết hợp đồng **về việc sáng tạo tác phẩm** với tác giả ~~sáng tạo ra tác phẩm~~ là chủ sở hữu các quyền quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 của Luật này, trừ trường hợp **các bên** có thỏa thuận khác. | Sửa đổi, bổ sung quy định rõ trường hợp xác định chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan khi giao kết hợp đồng đặt hàng cho tác giả sáng tạo tác phẩm. |
| **Điều 42. Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là Nhà nước** | **Điều 42. Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là Nhà nước** | *Sửa đổi và bổ sung khoản 3 Điều 42* |
| 1. Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp sau đây:  a) Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sáng tạo do cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu;  b) Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan cho Nhà nước;  c) Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan chết không có người thừa kế; người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản.  2. Nhà nước đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan trong các trường hợp sau đây:  a) Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà không thể tìm được hoặc không xác định được chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan theo quy định của Luật này;  b) Tác phẩm khuyết danh cho đến khi danh tính của tác giả, đồng tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả được xác định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật này. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022 |
| 3. Cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước để đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để sáng tạo tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng là đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.  Cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan là đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này. | **3. Xác định cơ quan là đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan:**  **a)** Cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước ~~để~~ đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để sáng tạo tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng ~~là đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan~~ trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.  **b) Cơ quan nhận chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.**  **c)** Cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan ~~là đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan~~ trong trường hợp quy định tại ~~điểm b,~~ điểm c khoản 1 **Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác** và **trường hợp quy định tại** khoản 2 Điều này. | Sửa đổi, bổ sung quy định xác định cơ quan đại diện Nhà nước thực hiện quyền của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan cho phù hợp với thực tiễn quản lý, hoạt động. |
| **Chương IV. CHUYỂN GIAO QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| ***Mục 1. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN*** | | |
|  | ***Bổ sung Điều 46a sau Điều 46***  **Điều 46a. Thế chấp quyền tác giả, quyền liên quan để vay vốn ngân hàng** | *Bổ sung Điều 46a sau Điều 46* |
|  | **1. Quyền tài sản thuộc quyền tác giả, quyền liên quan được sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp bằng quyền tài sản thuộc quyền tác giả, quyền liên quan để vay vốn phải được lập thành văn bản và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để có hiệu lực đối kháng với bên thứ ba.**  **2. Hợp đồng phải nêu rõ thông tin về tình trạng bảo hộ của quyền tác giả, quyền liên quan, bao gồm cả thông tin về việc chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan đang thực hiện.**  **3. Trong trường hợp quyền tài sản được thế chấp thuộc sở hữu chung, việc thế chấp phải có sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu, trừ trường hợp có các phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập.**  **4. Trường hợp bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên nhận thế chấp có quyền khai thác, chuyển nhượng hoặc bán đấu giá quyền tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật. Việc xử lý quyền tài sản thế chấp phải đảm bảo không xâm phạm quyền nhân thân của tác giả hoặc người biểu diễn.**  **5. Chính phủ quy định chi tiết điều này.** | Bộ luật Dân sự (Điều 303 đến 307, 317, 318, 320, 321) đã quy định về việc thế chấp tài sản, tuy nhiên, một số thuật ngữ được quy định chưa phù hợp với đối tượng của quyền SHTT và quyền SHTT là tài sản vô hình, khó kiểm soát nên cần bổ sung một số quy định để hạn chế rủi ro: hợp đồng vay vốn thế chấp bằng quyền tài sản thuộc quyền tác giả, quyền liên quan phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để có hiệu lực với bên thứ ba. Quy định này phù hợp với Bộ luật Dân sự và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm (biện pháp bảo đảm được đăng ký theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật; trường hợp được đăng ký thì biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký). |
| ***Mục 2. CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN*** | | |
| **Điều 47. Quy định chung về chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan** | **Điều 47. Quy định chung về chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan** | *Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 47* |
| 1. Chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan là việc chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 của Luật này.  2. Tác giả không được chuyển quyền sử dụng quyền nhân thân quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 19 của Luật này. Người biểu diễn không được chuyển quyền sử dụng quyền nhân thân quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này.  3. Trong trường hợp tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có đồng chủ sở hữu thì việc chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan phải có sự thỏa thuận của tất cả các đồng chủ sở hữu; trong trường hợp có đồng chủ sở hữu nhưng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có các phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập thì chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan đối với phần riêng biệt của mình cho tổ chức, cá nhân khác.  4. Tổ chức, cá nhân được chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan có thể chuyển quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân khác nếu được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | **5. Trong trường hợp quyền tài sản liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan có thể được sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn, chủ sở hữu được chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan cho tổ chức, cá nhân khác nhưng phải thông báo cho bên nhận chuyển quyền về việc quyền tác giả, quyền liên quan đang được dùng để thế chấp và phải thông báo cho bên nhận thế chấp biết.** | Bổ sung quy định về việc chủ sở hữu có thể chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan cho người khác khi đang sử dụng các quyền này làm tài sản thế chấp để vay vốn, kèm theo điều kiện phải thông báo cho người được chuyển quyền sử dụng và bên nhận thế chấp. |
| **Chương V. CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| **Điều 49. Đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan** | **Điều 49. Đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và 5, bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 49* |
| 1. Đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan là việc tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nộp hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận các thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan. | 1. Đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan là việc tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan **tự nguyện** nộp hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi nhận các thông tin về tác giả, tác phẩm, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan | Quyền tác giả phát sinh kể từ khi tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới một hình thức vật chất nhất định, không phụ thuộc vào việc đăng ký. Do đó, cần làm rõ nội dung này trong quy định về đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan để các tổ chức, cá nhân hiểu rõ. |
| 2. Việc nộp hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không phải là thủ tục bắt buộc để được hưởng quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật này. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | *bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:*  **2a. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan phải chịu trách nhiệm đối với các thông tin nêu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan** | Đồng thời, do việc nộp hồ sơ đăng ký là tự nguyện theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền ghi nhận các thông tin đăng ký, vì vậy, cần quy định rõ trách nhiệm của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan nộp hồ sơ đăng ký. |
| 3. Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không có nghĩa vụ chứng minh quyền tác giả, quyền liên quan thuộc về mình khi có tranh chấp, trừ trường hợp có chứng cứ ngược lại.  4. Tổ chức, cá nhân phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan về cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 5. Chính phủ quy định chi tiết về điều kiện, trình tự và thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. | 5. Chính phủ quy định chi tiết về **thành phần hồ sơ,** điều kiện, trình tự**,** ~~và~~ thủ tục **và thời hạn** cấp**, cấp lại, cấp đổi, huỷ bỏ hiệu lực** Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan. | Bổ sung giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung về thủ tục hành chính cấp, cấp lại, cấp đổi, huỷ bỏ hiệu lực GCN. |
| **Điều 50. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan** | **Điều 50. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan** | *Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 50* |
| 1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan theo cách thức trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022 |
| 2. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan bao gồm:  a) Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan.  Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt có đầy đủ thông tin về người nộp hồ sơ, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc chủ sở hữu quyền liên quan; thời gian hoàn thành; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; thông tin về cấp lại, cấp đổi (nếu có), cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong tờ khai. Tờ khai do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.  Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan; | *Sửa đổi bổ sung điểm a khoản 2:*  a) Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan.  ~~Tờ khai phải được làm bằng tiếng Việt có đầy đủ thông tin về người nộp hồ sơ, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc chủ sở hữu quyền liên quan; thời gian hoàn thành; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; thông tin về cấp lại, cấp đổi (nếu có), cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong tờ khai.~~ Tờ khai do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.  ~~Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan;~~ | Sửa đổi theo hướng quy định liệt kê các thành phần của hồ sơ đăng ký. |
| 3. Tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều này phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022 |
|  | *Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3:*  **4. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản trong hoạt động đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan.** | Giao Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản trong hoạt động đăng ký: mẫu tờ khai, mẫu GCN, … |
| **Điều 51. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan** | Sửa tên điều  **Điều 51. Thẩm quyền cấp, cấp lại, cấp đổi, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan** | Sửa tên điều để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 51 |
| **Điều 52. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan** | *Bãi bỏ Điều 52*  **~~Điều 52. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan~~** | Giao Chính phủ quy định chi tiết về thời hạn cấp GCN (theo khoản 5 Điều 49). |
| **Điều 54. Đăng bạ và công bố đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54* | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 54* |
| 1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về quyền tác giả, quyền liên quan. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 2. Quyết định cấp, cấp lại, đổi hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan được công bố trên Công báo về quyền tác giả, quyền liên quan. | 2. ~~Quyết định cấp, cấp lại, đổi hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan~~ **Thông tin về tên tác giả; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; tên chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan** được công bố **công khai** trên ~~Công báo~~ **Niên giám đăng ký** về quyền tác giả, quyền liên quan. | Hiện nay, cơ quan đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đang thực hiện xuất bản và phát hành Niên giám đăng ký về quyền tác giả, quyền liên quan, trong đó có các thông tin cơ bản về: tên tác giả; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; tên chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan. Đồng thời Niên giám được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ quan để tổ chức, cá nhân thuận tiện tra cứu. |
| **Điều 55. Cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan** | **Điều 55. Cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan** | *Sửa tên điều*  *sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung các khoản 1a và 1b sau khoản 1 Điều 55* |
| 1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị mất, hư hỏng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này tiến hành cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp đề nghị thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thông tin về đối tượng quyền liên quan, chủ sở hữu quyền liên quan thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này tiến hành cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn mười hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.  Trường hợp từ chối cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ. | 1. Trong trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan bị mất, hư hỏng thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này tiến hành cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan ~~trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp l~~ệ~~. Trường hợp đề nghị thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thông tin về đối tượng quyền liên quan, chủ sở hữu quyền liên quan thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này tiến hành cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn mười hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.~~  ~~Trường hợp từ chối cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ.~~ | Giao Chính phủ quy định chi tiết về thời hạn cấp lại, cấp đổi GCN (theo khoản 5 Điều 49).  Chuyển quy định về trường hợp từ chối cấp GCN từ Điều 52 xuống khoản 1 Điều 55. |
|  | *Bổ sung khoản 1a và 1b vào sau khoản 1:*  **1a.** Trường hợp đề nghị thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; thông tin về tác phẩm, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thông tin về đối tượng quyền liên quan, chủ sở hữu quyền liên quan thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này tiến hành cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan ~~trong thời hạn mười hai ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ~~.  **1b.** Trường hợp từ chối **cấp,** cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người nộp hồ sơ. | *Bổ sung khoản 1a và 1b vào sau khoản 1*  khoản 1a, 1b không phải nội dung mới mà chỉ tách từ khoản 1 hiện hành. |
| 2. Trong trường hợp người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan không phải là tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đã đăng ký không thuộc đối tượng bảo hộ thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 51 của Luật này hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.  3. Tổ chức, cá nhân phát hiện việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trái với quy định của Luật này thì có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.  4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các văn bản sau đây, cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan:  a) Bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ quy định tại Điều 200 của Luật này về việc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan;  b) Văn bản của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan đã được cấp.  5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| **Chương VI. TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN TẬP THỂ, TƯ VẤN, DỊCH VỤ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN** | | |
| **Điều 56. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan** | **Điều 56. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan** | *Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 56* |
| 1. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan là tổ chức tự nguyện, tự bảo đảm kinh phí hoạt động, không vì mục đích lợi nhuận do các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan thỏa thuận thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật để thực hiện ủy thác quyền tác giả, quyền liên quan, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | *Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1:*  **1a. Tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan được thành lập và hoạt động khi đáp ứng các quy định sau:**  **a) Tổ chức thành lập và hoạt động theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan, có tư cách pháp nhân độc lập, có con dấu và tài khoản riêng;**  **b) Tên gọi của tổ chức phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động đại diện tập thể của tổ chức;**  **c) Lĩnh vực hoạt động đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan là các lĩnh vực quy định tại các điều 14, 17, 20, 29, 30 và 31 của Luật Sở hữu trí tuệ;;**  **d) Có điều lệ, cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, biểu mức tiền bản quyền, quy chế thu và phân chia tiền bản quyền phù hợp với phạm vi, lĩnh vực hoạt động của tổ chức;**  **đ) Được cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan/Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp chứng nhận là tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;**  **e) Trường hợp cần thiết theo quy định của Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan/Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thể chỉ định tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan thực hiện cấp phép khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan mà chưa có ủy quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.** | Bổ sung khoản 1a làm rõ các điều kiện, đặc điểm của tổ chức đại diện tập thể QTG, QLQ.  Bổ sung quy định tổ chức này phải được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp phép là tổ chức đại diện tập thể.  Đây cũng là kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Úc…  Bổ sung quy định về chỉ định tổ chức đại diện tập thể thực hiện cấp khai thác, sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan mà chưa có ủy quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan.  Việc cấp phép tập thể này chỉ áp dụng đối với các hành vi sử dụng tác phẩm có phạm vi rộng rãi, khó kiểm soát từng đối tượng sử dụng cụ thể, như phát sóng, sử dụng trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ công cộng, hoặc các trường hợp khác do Chính phủ quy định chi tiết; giải quyết thực trạng khó khăn trong việc thu và phân phối tiền bản quyền hiện nay, nhất là các trường hợp giới hạn quyền (không phải xin phép nhưng phải trả tiền bản quyền kể từ khi sử dụng); giúp tăng cường hiệu quả quản lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ sở hữu quyền, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, giảm bớt các thủ tục phức tạp.  Quy định này phù hợp với quy định về thực hiện công việc không có ủy quyền tại các điều 574 đến 578 Bộ luật Dân sự. |
| **Phần III. QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** | | |
| **Chương VII. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** | | |
| ***Mục 1. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ*** | | |
| **Điều 59. Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế** | **Điều 59. Đối tượng không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 59* |
| Các đối tượng sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế:  1. Phát minh, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học;  2. Sơ đồ, kế hoạch, quy tắc và phương pháp để thực hiện các hoạt động trí óc, huấn luyện vật nuôi, thực hiện trò chơi, kinh doanh; chương trình máy tính;  3. Cách thức thể hiện thông tin;  4. Giải pháp chỉ mang đặc tính thẩm mỹ;  5. Giống thực vật, giống động vật;  6. Quy trình sản xuất thực vật, động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là quy trình vi sinh;  7. Phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán và chữa bệnh cho người và động vật. | **1.** Các đối tượng sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế:  **a)** Phát minh, lý thuyết khoa học, phương pháp toán học;  **b)** Sơ đồ, kế hoạch, quy tắc và phương pháp để thực hiện các hoạt động trí óc, huấn luyện vật nuôi, thực hiện trò chơi, kinh doanh; chương trình máy tính, **thuật toán;**  **c)** Cách thức thể hiện thông tin;  **d)** Giải pháp chỉ mang đặc tính thẩm mỹ;  **đ)** Giống thực vật, giống động vật;  **e)** Quy trình sản xuất thực vật, động vật chủ yếu mang bản chất sinh học mà không phải là quy trình vi sinh;  **g)** Phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán và chữa bệnh cho người và động vật.  2. **Quy định tại điểm b khoản 1 không áp dụng đối với trường hợp chương trình máy tính hoặc thuật toán được gắn trong thiết bị để thực hiện một quy trình kỹ thuật cụ thể hoặc phương pháp kinh doanh được gắn với hệ thống kỹ thuật hoặc nền tảng công nghệ cụ thể.** | Sửa đổi, bổ sung Điều 59 để làm rõ trường hợp chương trình máy tính, thuật toán và phương pháp kinh doanh có thể được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế.  Theo lời văn hiện hành của Luật SHTT, có thể dẫn đến việc hiểu rằng chương trình máy tính, phương pháp kinh doanh hoàn toàn không được bảo hộ với danh nghĩa sáng chế. Tuy nhiên, trong trường hợp sáng chế (thường là một quy trình) có sử dụng chương trình máy tính và chương trình đó tích hợp với phần cứng và có tạo ra hiệu quả kỹ thuật vượt trội thì SC đó vẫn có thể được bảo hộ. Thực tế là đến nay, VN đã cấp nhiều bằng sáng chế cho các sản phẩm/quy trình liên quan đến chương trình máy tính theo nguyên tắc nêu trên.  Việc bảo hộ chương trình máy tính, phương pháp kinh doanh theo cơ chế bảo hộ sáng chế không bị loại trừ hoàn toàn ở một số quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản, các nước EU, Indonesia, v.v.  - Nhật Bản có quy định cho thấy khả năng bảo hộ sáng chế đối với chương trình máy tính trong Luật SC, cụ thể tại Điều 2(3)(i): *“trong trường hợp sáng chế là một sản phẩm (bao gồm chương trình máy tính, v.v.,(…))”*, đồng thời hướng dẫn cụ thể trong tài liệu của JPO về điều kiện bảo hộ SC này.  - EU có Công ước SC châu Âu (EPC) quy định chương trình máy tính không được coi là sáng chế (Điều 52.2.c) nhưng có làm rõ hơn là khả năng cấp bằng SC chỉ bị loại trừ nếu đối tượng nêu trong đơn (bao gồm cả chương trình máy tính) là đối tượng có tính chất đơn thuần/nguyên bản (“as such”) ( (Điều 52.3 EPC).  - Luật SC của Indonesia mới sửa đổi năm 2024, trong đó cũng làm rõ khả năng bảo hộ đối với chương trình máy tính. Chương trình máy tính thuần túy không được bảo hộ SC, nhưng SC liên quan đến chương trình máy tính nằm trong một quy trình hoặc hệ thống thì có khả năng được bảo hộ. Ví dụ, một thuật toán phần mềm giúp tăng cường chức năng của thiết bị y tế hoặc hệ thống tự động hóa công nghiệp sẽ đủ điều kiện được bảo hộ sáng chế.  - Pháp luật Hoa Kỳ quy định khá mở về đối tượng bảo hộ SC tại điều 35 U.S.C. § 101 (bất kỳ quy trình, máy móc, sản phẩm chế tạo, hoặc thành phần vật chất mới và hữu ích, hoặc bất kỳ cải tiến mới và hữu ích nào của những thứ trên, có thể được cấp bằng sáng chế). Đối với các đối tượng được coi là “abstract ideas” (ý tưởng trừu tượng) như khái niệm toán học; phương pháp thực hiện các hoạt động của con người; phương pháp suy luận trí óc, năm 2019, Cơ quan SC và NH Hoa Kỳ (USPTO) quy định trong Quy chế thẩm định SC theo hướng:  + Mở rộng phạm vi đối tượng bảo hộ, cho phép bảo hộ SC liên quan đến lập trình thuật toán mà trước đây bị xếp vào nhóm đối tượng “ý tưởng trừu tượng”.  + Chấp nhận những giải pháp được xem là “ý tưởng trừu tượng” nhưng có khả năng tích hợp vào ứng dụng thực tế (practical application) là đối tượng bảo hộ SC. Ngay cả khi giải pháp kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu về tính ứng dụng thực tế/ khả năng áp dụng công nghiệp thì vẫn được tiếp tục đánh giá tính sáng tạo, xem xét khả năng có được bảo hộ hay không.  Thực tế, Hoa Kỳ đã cấp nhiều bằng SC phương pháp kinh doanh (các SC thường được phân loại trong lớp 705 (Data Processing: Financial, Business Practice, Management, or Cost/Price Determination) của hệ thống USPTO), ví dụ: bằng sáng chế số 12.293.390 “Method and computing device for performing dynamic digital signage campaign optimization”/ Phương pháp và thiết bị tính toán để thực hiện tối ưu hóa chiến dịch quảng cáo kỹ thuật số động, cấp ngày 6/5/2025; bằng sáng chế số 12,288,228 “System and method for conducting an auction to determine a winning bid for content element placement on a page”/ Hệ thống và phương pháp tổ chức đấu giá để xác định giá thầu thắng cuộc cho việc đặt nội dung trên trang, cấp ngày 29/4/2025, …  Việc sửa đổi, bổ sung quy định này trong Luật SHTT VN phù hợp với xu hướng của nhiều nước thế giới và nhu cầu phát triển công nghệ, góp phần khuyến khích đổi mới sáng tạo dựa trên công nghệ và đầu tư nước ngoài vào nền kinh tế kỹ thuật số đang phát triển của Việt Nam. |
| ***Mục 2. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP*** | | |
| **Điều 65. Tính mới của kiểu dáng công nghiệp** | **Điều 65. Tính mới của kiểu dáng công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 4, bổ sung khoản 5 Điều 65* |
| 1. Kiểu dáng công nghiệp được coi là có tính mới nếu kiểu dáng công nghiệp đó khác biệt đáng kể với những kiểu dáng công nghiệp đã bị bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn hoặc trước ngày ưu tiên nếu đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được hưởng quyền ưu tiên.  2. Hai kiểu dáng công nghiệp không được coi là khác biệt đáng kể với nhau nếu chỉ khác biệt về những đặc điểm tạo dáng không dễ dàng nhận biết, ghi nhớ và không thể dùng để phân biệt tổng thể hai kiểu dáng công nghiệp đó.  3. Kiểu dáng công nghiệp được coi là chưa bị bộc lộ công khai nếu chỉ có một số người có hạn được biết và có nghĩa vụ giữ bí mật về kiểu dáng công nghiệp đó. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 4. Kiểu dáng công nghiệp không bị coi là mất tính mới nếu được công bố trong các trường hợp sau đây với điều kiện đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được nộp trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày công bố:  a) Kiểu dáng công nghiệp bị người khác công bố nhưng không được phép của người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này;  b) Kiểu dáng công nghiệp được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này công bố dưới dạng báo cáo khoa học;  c) Kiểu dáng công nghiệp được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này trưng bày tại cuộc triển lãm quốc gia của Việt Nam hoặc tại cuộc triển lãm quốc tế chính thức hoặc được thừa nhận là chính thức. | “4. Kiểu dáng công nghiệp không bị coi là mất tính mới nếu được **người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86 của Luật này hoặc người có được thông tin về kiểu dáng công nghiệp một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ người đó bộc lộ công khai** ~~công bố trong các trường hợp sau đây~~ với điều kiện đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được nộp trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày ~~công bố~~ **bộc lộ**~~:a) Kiểu dáng công nghiệp bị người khác công bố nhưng không được phép của người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này;~~  ~~b) Kiểu dáng công nghiệp được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này công bố dưới dạng báo cáo khoa học;~~  ~~c) Kiểu dáng công nghiệp được người có quyền đăng ký quy định tại Điều 86, Điều 86a của Luật này trưng bày tại cuộc triển lãm quốc gia của Việt Nam hoặc tại cuộc triển lãm quốc tế chính thức hoặc được thừa nhận là chính thức~~. | Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và bổ sung khoản 5 về các trường hợp đã công bố nhưng không bị coi là mất tính mới.  Quy định được sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng các trường hợp đã công bố nhưng không bị coi là mất tính mới, tương tự như quy định đối với sáng chế, nhằm tạo thuận lợi cho chủ đơn kiểu dáng công nghiệp (phần lớn là tổ chức, cá nhân Việt Nam) trong việc xác lập quyền. |
|  | **5. Quy định tại khoản 4 Điều này cũng áp dụng đối với kiểu dáng công nghiệp được bộc lộ trong đơn đăng ký sở hữu công nghiệp hoặc văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp công bố trong trường hợp việc công bố không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc đơn do người không có quyền đăng ký nộp.** |
| ***Mục 4. ĐIỀU KIỆN BẢO HỘ ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU*** | | |
| **Điều 74. Khả năng phân biệt của nhãn hiệu** | **Điều 74. Khả năng phân biệt của nhãn hiệu** | *Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2, bổ sung điểm đ1 vào sau điểm đ khoản 2 và khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 74* |
| 2. Nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là dấu hiệu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Hình và hình hình học đơn giản, chữ số, chữ cái, chữ thuộc ngôn ngữ không thông dụng, trừ trường hợp các dấu hiệu này đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn;  b) Dấu hiệu, biểu tượng quy ước, hình vẽ, tên gọi thông thường của hàng hóa, dịch vụ bằng bất kỳ ngôn ngữ nào, hình dạng thông thường của hàng hóa hoặc một phần của hàng hóa, hình dạng thông thường của bao bì hoặc vật chứa hàng hóa đã được sử dụng thường xuyên và thừa nhận rộng rãi trước ngày nộp đơn;  c) Dấu hiệu chỉ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị hoặc các đặc tính khác mang tính mô tả hàng hóa, dịch vụ hoặc dấu hiệu làm gia tăng giá trị đáng kể cho hàng hóa, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã đạt được khả năng phân biệt thông qua quá trình sử dụng trước ngày nộp đơn;  d) Dấu hiệu mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh của chủ thể kinh doanh;  đ) Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này; | 2. Nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là dấu hiệu thuộc một trong các trường hợp sau đây:  đ) Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn hoặc được đăng ký dưới dạng nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này **và trường hợp quy định tại điểm đ1 khoản này;**  **đ1) Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý quốc gia Việt Nam của hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhãn hiệu trước ngày nộp đơn hoặc dấu hiệu đó là yếu tố cấu thành của dấu hiệu có khả năng phân biệt được đăng ký nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận quy định tại Luật này.** | Sửa đổi, bổ sung quy định để làm rõ việc bảo hộ dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý, theo đó:  Bổ sung vào điểm đ và thêm điểm đ1 vào sau điểm đ khoản 2 Điều 74 để quy định riêng cho dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý quốc gia Việt Nam, theo đó dấu hiệu này bị coi là không có khả năng phân biệt nhưng có thể được bảo hộ nếu đã đạt được khả năng phân biệt qua quá trình sử dụng hoặc là 1 yếu tố trong NHCN, NHTT. |
|  | *Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 74*  **3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết điều này.** | Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 74 theo hướng thêm quy định về việc Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết điều này. |
| **Chương VIII, XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP, THIẾT KẾ BỐ TRÍ, NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ** | | |
| ***Mục 1. ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ, KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP, THIẾT KẾ BỐ TRÍ, NHÃN HIỆU, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ*** | | |
| **Điều 86. Quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí** | **Điều 86. Quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí** | *Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 86* |
| 1. Tổ chức, cá nhân sau đây có quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí:  a) Tác giả tạo ra sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí bằng công sức và chi phí của mình;  b) Tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả dưới hình thức giao việc, thuê việc, tổ chức, cá nhân được giao quản lý nguồn gen cung cấp nguồn gen, tri thức truyền thống về nguồn gen theo hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc trường hợp quy định tại Điều 86a của Luật này. | 1. Tổ chức, cá nhân sau đây có quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí:  **c) Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là kết quả của nhiệm vụ đó;** | Điều 25 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định về giao tự động quyền quản lý, sử dung, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức chủ trì (khoản 2) và tổ chức, cá nhân khác (khoản 3), do đó bổ sung quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ để thống nhất và làm rõ về quyền đăng ký sở hữu trí tuệ đối với kết quả của các tổ chức, cá nhân này theo nguyên tắc: tổ chức, cá nhân được giao quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả sẽ có quyền đăng ký tương ứng. Khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng quy định về nội dung này tuy nhiên quy định này sẽ hết hiệu lực thi hành từ 01/10/2025 (bãi bỏ theo khoản 9 Điều 71 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo). Vì vậy, việc bổ sung cần thiết để làm rõ về quy định đăng ký, giúp các chủ thể dễ dàng triển khai trong thực tế. |
| **Điều 89. Cách thức nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp** | *Sửa tên điều*  **Điều 89. Cách thức nộp đơn ~~đăng ký~~ xác lập quyền sở hữu công nghiệp** | *Sửa tên điều, sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 89* |
| 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam. | 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn ~~đăng ký~~ xác lập quyền sở hữu công nghiệp trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam. | Sửa đổi, bổ sung để thống nhất thuật ngữ và làm rõ các loại đơn cần phải nộp phù hợp với quy định này. |
| 2. Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam. | 2. Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài không có cơ sở sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam nộp đơn ~~đăng ký~~ xác lập quyền sở hữu công nghiệp thông qua đại diện hợp pháp tại Việt Nam. |
| 3. Đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp được nộp dưới hình thức văn bản ở dạng giấy cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp hoặc dạng điện tử theo hệ thống nộp đơn trực tuyến. | 3. Đơn ~~đăng ký~~ xác lập quyền sở hữu công nghiệp được nộp dưới hình thức văn bản ở dạng giấy hoặc dạng điện tử theo ~~hệ thống nộp đơn trực tuyến~~ **quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ**. |
|  | **4. Đơn xác lập quyền theo quy định tại Điều này bao gồm đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và các đơn liên quan đến đơn đăng ký các đối tượng này; đơn liên quan đến văn bằng bảo hộ và đơn liên quan đến chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp.** |
| **Điều 89a. Kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài** | **Điều 89a. Kiểm soát an ninh đối với sáng chế trước khi nộp đơn đăng ký ở nước ngoài** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 89a* |
| 1. Sáng chế thuộc các lĩnh vực kỹ thuật có tác động đến quốc phòng, an ninh, được tạo ra tại Việt Nam và thuộc quyền đăng ký của cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam hoặc của tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam chỉ được nộp đơn đăng ký sáng chế ở nước ngoài nếu đã được nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam để thực hiện thủ tục kiểm soát an ninh.  2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này. | 1. Sáng chế thuộc **danh mục bí mật nhà nước trong** các lĩnh vực kỹ thuật có tác động đến quốc phòng, an ninh, được tạo ra tại Việt Nam và thuộc quyền đăng ký của cá nhân là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam hoặc của tổ chức được thành lập theo pháp luật Việt Nam chỉ được nộp đơn đăng ký sáng chế ở nước ngoài nếu đã được ~~nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam để thực hiện thủ tục kiểm soát an ninh~~ **Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cho phép**.  2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này. | Quy định hiện hành tạo ra nhiều vướng mắc. Có ý kiến cho rằng quy định về kiểm soát an ninh sáng chế áp dụng cho các sáng chế thuộc lĩnh vực kỹ thuật có tác động đến quốc phòng và an ninh, nhưng danh mục các lĩnh vực này (Phụ lục VII Nghị định 65/2023/NĐ-CP) được cho là chưa đủ rõ ràng và chi tiết. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc xác định chính xác sáng chế nào cần kiểm soát, gây lo ngại cho các nhà sáng tạo và doanh nghiệp khi nộp đơn đăng ký.  Quy định được sửa đổi, bổ sung theo hướng thu hẹp và làm rõ hơn đối tượng phải thực hiện kiểm soát an ninh so với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật SHTT năm 2022 và chỉ rõ cơ quan chịu trách nhiệm cho phép. |
| **Điều 92. Văn bằng bảo hộ** | **Điều 92. Văn bằng bảo hộ** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 92* |
| 1. Văn bằng bảo hộ ghi nhận chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu (sau đây gọi là chủ văn bằng bảo hộ); tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí; đối tượng, phạm vi và thời hạn bảo hộ. | 1. Văn bằng bảo hộ ghi nhận chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu **hoặc đại diện chủ sở hữu sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí đối với trường hợp người nộp đơn là** **tổ chức được quyền quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo** (sau đây gọi là chủ văn bằng bảo hộ)**;** tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí; đối tượng, phạm vi và thời hạn bảo hộ. | Khoản 2 Điều 25 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định về giao tự động quyền quản lý, sử dung, quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho tổ chức chủ trì, trong đó đối với tổ chức chủ trì là cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân; đơn vị sự nghiệp công lập; cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là cơ quan, đơn vị nhà nước) thì được giao quyền quản lý, sử dụng kết quả (đối với tổ chức chủ trì không thuộc Nhà nước sẽ được giao quyền sở hữu kết quả). Do đó đối với tổ chứ chủ trì là cơ quan, đơn vị thuộc Nhà nước khi đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và được cấp văn bằng bảo hộ thì sẽ được ghi nhận là đại diện chủ sở hữu. |
| 2. Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý ghi nhận tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tính chất đặc thù về điều kiện địa lý và khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý.  3. Văn bằng bảo hộ gồm Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu và Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| **Điều 94. Duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ** | **Điều 94. Duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 94* |
| 1. Để duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, chủ văn bằng bảo hộ phải nộp phí, lệ phí để duy trì hiệu lực .  2. Để gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chủ văn bằng bảo hộ phải nộp phí, lệ phí để gia hạn hiệu lực . |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Mức phí, lệ phí và thủ tục duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ do Chính phủ quy định. | 3. Mức phí, lệ phí ~~và thủ tục~~ duy trì, gia hạn hiệu lực duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ ~~do Chính phủ~~ **theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.** | Mức phí, lệ phí được quy định tại Luật Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành. |
|  | **4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục duy trì, gia hạn hiệu lực văn bằng bảo hộ**. |  |
| **Điều 96. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ** | **Điều 96. Hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ** | *bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1, sửa đổi, bổ sung điểm e, bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 2 Điều 96* |
| 1. Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:  a) Người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu;  b) Đơn đăng ký sáng chế được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế quy định tại Điều 89a của Luật này;  c) Đơn đăng ký sáng chế đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen nhưng không bộc lộ hoặc bộc lộ không chính xác về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen có trong đơn đó. | **d) Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí không phải đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 122 của Luật này;**  **PA 2: Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí không phải là con người;** | Khoản 1 Điều 122 Luật SHTT quy định: *“Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là người trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp; trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp thì họ là đồng tác giả”.* Như vậy Luật quy định tác giả SC, KDCN, TKBT phải là con người và phải trực tiếp tạo ra SC/KDCN/TKBT đó, kể cả trường hợp đồng tác giả thì cũng phải là “hai người” trở lên. Hệ thống AI không được công nhận là tác giả kể cả trong trường hợp là tác giả duy nhất hoặc là 1 trong số các tác giả. Quy định này phù hợp với xu hướng chung của thế giới hiện nay.  Trong bối cảnh phát triển bùng nổ của trí tuệ nhân tạo, khả năng sẽ có những SC/KDCN/TKBT do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra và được đề xuất ghi nhận là tác giả của SC/KDCN/TKBT đó. Thực tế trên thế giới đã có trường hợp chủ đơn sáng chế đăng ký đơn sáng chế trong đó tác giả không phải là con người (là một hệ thống AI có tên là DABUS). Do vậy, để bảo đảm triệt để thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 122, cần bổ sung quy định để có cơ sở pháp lý từ chối đơn và hủy bỏ đơn trong trường hợp tác giả SC/KDCN/TKBT không phải là con người.  *Kinh nghiệm thế giới:*  Trong vụ DABUS với tác giả sáng chế là AI, USPTO (Hoa Kỳ) từ chối với lý do đơn không đáp ứng yêu cầu về hình thức theo 35 U.S.C. § 115 vì thiếu thông tin về một tác giả hợp lệ (con người) và lời tuyên thệ của tác giả. Còn UKIPO (Anh) từ chối với lý do chủ đơn không đáp ứng yêu cầu tại Điều 13(2) Luật Sáng chế Anh về việc người nộp đơn phải nộp tờ khai về tư cách tác giả.  Hoa Kỳ có quy định tại Điều 35 U.S.C.§115, theo đó bằng sáng chế có thể bị hủy bỏ nếu phát hiện khai báo sai tác giả, trừ khi lỗi này được sửa chữa mà không có ý định lừa dối (non-deceptive intent). Tòa án có thể ra lệnh sửa đổi thông tin tác giả nếu có tranh chấp, nhưng nếu có hành vi gian lận, bằng sáng chế có thể bị vô hiệu hóa.  Tại EU, nếu xác minh được rằng đơn sáng chế vi phạm quy định về quyền tác giả, bằng sáng chế có thể bị hủy bỏ tại các quốc gia thành viên.  Tại Nhật Bản và Trung Quốc, tòa án có thể yêu cầu sửa đổi hoặc hủy bỏ bằng sáng chế nếu có bằng chứng cho thấy rằng thông tin về tác giả sáng chế nêu trong đơn là không chính xác.  Ngoài ra, việc bổ sung căn cứ hủy bỏ tương ứng với căn cứ từ chối đơn cũng nhằm tuân thủ cam kết tại Điều 18.39 CPTPP về việc cơ sở hủy bỏ Văn bằng bảo hộ phải tương ứng với cơ sở từ chối đơn. |
| 2. Văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ toàn bộ hoặc một phần hiệu lực nếu toàn bộ hoặc một phần văn bằng bảo hộ đó không đáp ứng quy định của Luật này về quyền đăng ký, điều kiện bảo hộ, sửa đổi, bổ sung đơn, bộc lộ sáng chế, nguyên tắc nộp đơn đầu tiên trong các trường hợp sau đây:  a) Người nộp đơn đăng ký không có quyền đăng ký và không được người có quyền đăng ký chuyển nhượng quyền đăng ký đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu;  b) Đối tượng sở hữu công nghiệp không đáp ứng các điều kiện bảo hộ quy định tại Điều 8 và Chương VII của Luật này;  c) Việc sửa đổi, bổ sung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp làm mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn;  d) Sáng chế không được bộc lộ đầy đủ và rõ ràng đến mức căn cứ vào đó người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng có thể thực hiện được sáng chế đó;  đ) Sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ vượt quá phạm vi bộc lộ trong bản mô tả ban đầu của đơn đăng ký sáng chế;  e) Sáng chế không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên quy định tại Điều 90 của Luật này. | e) Sáng chế, **kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu** không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên quy định tại Điều 90 của Luật này.  **g) Quyền phát sinh trên cơ sở văn bằng bảo hộ được cấp xung đột với quyền sở hữu trí tuệ phát sinh hoặc xác lập trước.** | - Đối với điểm e: Để được cấp văn bằng bảo hộ, ngoài đánh giá điều kiện bảo hộ thì việc kiểm tra nguyên tắc nộp đơn đầu tiên là yêu cầu bắt buộc (trong những đơn đáp ứng điều kiện để cấp văn bằng bảo hộ thì đơn nào là đơn có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất). Do đó, bổ sung quy định hủy bỏ hiệu lực đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu tương tự đối với sáng chế trong trường hợp nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp không đáp ứng nguyên tắc nộp đơn đầu tiên theo quy định tại Điều 90 tại thời điểm thẩm định; - Đối với điểm g: bổ sung để thống nhất với quy định được bổ sung tại khoản 4 Điều 7 của dự thảo Luật. |
| **Điều 97. Sửa đổi văn bằng bảo hộ** | **Điều 97. Sửa đổi văn bằng bảo hộ** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3, bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 97* |
| 1. Chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý theo quy định tại Điều 88 của Luật này có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp sửa đổi những thông tin sau đây trên văn bằng bảo hộ với điều kiện phải nộp phí, lệ phí: | 1. Chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý theo quy định tại Điều 88 của Luật này, tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền yêu cầu ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ sửa đổi những thông tin sau đây trên văn bằng bảo hộ với điều kiện phải nộp phí, lệ phí:  **a) Thay đổi, sửa chữa thiếu sót liên quan đến tên và quốc tịch của tác giả, tên và địa chỉ của chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý;**  **b) Sửa đổi bản mô tả tính chất, chất lượng đặc thù, khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý; sửa đổi quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;**  **c) Trường hợp việc sửa đổi theo quy định tại điểm a và b khoản này phải thực hiện do việc sắp xếp lại đơn vị hành chính của Việt Nam thì chủ văn bằng bảo hộ không phải nộp phí, lệ phí.** | Sửa đổi để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| 2. Theo yêu cầu của chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm sửa chữa thiếu sót trong văn bằng bảo hộ do lỗi của cơ quan đó. Trong trường hợp này, chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không phải nộp phí, lệ phí. | 2. ~~Theo yêu cầu của chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý~~, ~~c~~Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm sửa chữa thiếu sót trong văn bằng bảo hộ do lỗi của cơ quan đó và không được yêu cầu chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý nộp phí, lệ phí. ~~Trong trường hợp này, chủ văn bằng bảo hộ, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không phải nộp phí, lệ phí.~~ | Sửa đổi để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| 3. Chủ văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thu hẹp phạm vi quyền sở hữu công nghiệp; trong trường hợp này, đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tương ứng phải được thẩm định lại về nội dung và người yêu cầu phải nộp phí thẩm định nội dung. | 3. Chủ văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ thu hẹp phạm vi quyền sở hữu công nghiệp; trong trường hợp này, đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tương ứng phải được thẩm định lại về nội dung và người yêu cầu phải nộp phí thẩm định nội dung. | Sửa đổi để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
|  | **4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý yêu cầu sửa đổi văn bằng bảo hộ.”** | Bổ sung căn cứ để quy định chi tiết trình tự, thủ tục tại các văn bản hướng dẫn thi hành Luật SHTT. |
| **Điều 99. Công bố các quyết định liên quan đến văn bằng bảo hộ** | **Điều 99. Công bố các quyết định liên quan đến văn bằng bảo hộ** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 99* |
| Quyết định cấp, chấm dứt, hủy bỏ, sửa đổi văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định. | Quyết định cấp, chấm dứt, hủy bỏ, sửa đổi văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp được ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong thời hạn ~~sáu~~ ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định. | Sửa đổi, bổ sung Điều 99 để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| ***Mục 2. ĐƠN ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP*** | | |
| **Điều 100. Yêu cầu chung đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | **Điều 100. Yêu cầu chung đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3, bổ sung các khoản 4, 5, 6, 7 và 8 sau khoản 3 Điều 100* |
| 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bao gồm các tài liệu sau đây:  a) Tờ khai đăng ký theo mẫu quy định;  b) Tài liệu, mẫu vật, thông tin thể hiện đối tượng sở hữu công nghiệp đăng ký bảo hộ quy định tại các điều từ Điều 102 đến Điều 106 của Luật này;  c) Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua đại diện;  d) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác;  đ) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;  đ1) Tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen trong đơn đăng ký sáng chế, đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen;  e) Chứng từ nộp phí, lệ phí. | 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bao gồm các tài liệu **về đối tượng yêu cầu bảo hộ và các tài liệu khác liên quan**.  ~~a) Tờ khai đăng ký theo mẫu quy định;~~  ~~b) Tài liệu, mẫu vật, thông tin thể hiện đối tượng sở hữu công nghiệp đăng ký bảo hộ quy định tại các điều từ Điều 102 đến Điều 106 của Luật này;~~  ~~c) Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua đại diện;~~  ~~d) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký, nếu người nộp đơn thụ hưởng quyền đó của người khác;~~  ~~đ) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên, nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên;~~  ~~đ1) Tài liệu thuyết minh về nguồn gốc của nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen trong đơn đăng ký sáng chế, đối với sáng chế được trực tiếp tạo ra dựa trên nguồn gen hoặc tri thức truyền thống về nguồn gen;~~  ~~e) Chứng từ nộp phí, lệ phí.~~ | Sửa đổi, bổ sung theo hướng lược bớt các quy định chi tiết trong Điều này, đồng thời giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết các thủ tục xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp với mục tiêu Luật chỉ quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội (quy định tại Điều 5 của Luật Tổ chức quốc hội); đồng thời phù hợp với mục tiêu về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính (các quy định về thủ tục hành chính phải được rà soát thường xuyên và sửa đổi ngay khi có vướng mắc).  Đồng thời sửa đổi khoản 2 Điều này để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| 2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp và giấy tờ giao dịch giữa người nộp đơn và cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp phải được làm bằng tiếng Việt, trừ các tài liệu sau đây có thể được làm bằng ngôn ngữ khác nhưng phải được dịch ra tiếng Việt khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp yêu cầu:  a) Giấy uỷ quyền;  b) Tài liệu chứng minh quyền đăng ký;  c) Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên;  d) Các tài liệu khác để bổ trợ cho đơn. | 2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp và giấy tờ giao dịch liên quan đến đơn giữa người nộp đơn và cơ quan **có thẩm quyền xử lý** ~~quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ đơn phải được làm bằng tiếng Việt, trừ một số tài liệu có thể được làm bằng ngôn ngữ khác nhưng phải được dịch ra tiếng Việt khi có yêu cầu. ~~của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~. |
| 3. Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bao gồm:  a) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên có xác nhận của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;  b) Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác. | 3. ~~Tài liệu chứng minh quyền ưu tiên đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bao gồm:~~  ~~a) Bản sao đơn hoặc các đơn đầu tiên có xác nhận của cơ quan đã nhận đơn đầu tiên;~~  ~~b) Giấy chuyển nhượng quyền ưu tiên nếu quyền đó được thụ hưởng từ người khác.~~**Mỗi đơn đăng ký sở hữu công nghiệp chỉ được yêu cầu cấp một văn bằng bảo hộ cho một đối tượng sở hữu công nghiệp duy nhất trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.** |
|  | **4. Mỗi đơn đăng ký có thể yêu cầu cấp một Bằng độc quyền sáng chế hoặc một Bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho một nhóm sáng chế có mối liên hệ chặt chẽ về kỹ thuật nhằm thực hiện một ý đồ sáng tạo chung duy nhất.** |
|  | **5. Mỗi đơn đăng ký có thể yêu cầu cấp một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cho nhiều kiểu dáng công nghiệp trong các trường hợp sau đây:**  **a) Các kiểu dáng công nghiệp của một bộ sản phẩm gồm nhiều sản phẩm thể hiện ý tưởng sáng tạo chung duy nhất, được sử dụng cùng nhau hoặc để thực hiện chung một mục đích;**  **b) Một kiểu dáng công nghiệp kèm theo một hoặc nhiều phương án là biến thể của kiểu dáng công nghiệp đó, theo ý tưởng sáng tạo chung duy nhất, không khác biệt đáng kể với kiểu dáng công nghiệp đó.** |
|  | **6. Mỗi đơn đăng ký có thể yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho một nhãn hiệu dùng cho một hoặc nhiều hàng hóa, dịch vụ khác nhau.** |
|  | **7. Người nộp đơn chịu trách nhiệm đối với thông tin khai trong đơn. Trường hợp có căn cứ để xác định rằng thông tin trong đơn là không chính xác, cơ quan quản lý nhà nước có thể thu hồi quyết định cấp văn bằng bảo hộ.** |
|  | **8.** **Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết Điều này.** |
| **Điều 101. Yêu cầu về tính thống nhất của đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 102. Yêu cầu đối với đơn đăng ký sáng chế** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 103. Yêu cầu đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 104. Yêu cầu đối với đơn đăng ký thiết kế bố trí** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 105. Yêu cầu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 106. Yêu cầu đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 107. Ủy quyền đại diện trong các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp** | **Điều 107. Ủy quyền đại diện trong các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 107* |
| 1. Việc uỷ quyền tiến hành các thủ tục liên quan đến việc xác lập, duy trì, gia hạn, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ phải được lập thành giấy uỷ quyền. | 1. Tổ chức, cá nhân có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác đại diện thực thiện các thủ tục liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp. Việc uỷ quyền tiến hành các thủ tục liên quan đến việc xác lập, duy trì, gia hạn, sửa đổi, chấm dứt, huỷ bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ phải được lập thành ~~giấy ủy quyền~~ **văn bản**. | - Sửa đổi, bổ sung để bảo đảm thống nhất thuật ngữ với Bộ luật dân sự (Điều 140)  - Bổ sung khoản 4 căn cứ để Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn cụ thể về các trường hợp được nhận ủy quyền đại diện. |
| 2. Giấy uỷ quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Tên, địa chỉ đầy đủ của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền;  b) Phạm vi uỷ quyền;  c) Thời hạn uỷ quyền;  d) Ngày lập giấy uỷ quyền;  đ) Chữ ký, con dấu (nếu có) của bên uỷ quyền. | 2. ~~Giấy uỷ quyền~~ **Văn bản** uỷ quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Tên, địa chỉ đầy đủ của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền;  b) Phạm vi uỷ quyền;  c) Thời hạn uỷ quyền;  d) Ngày lập uỷ quyền;  đ) Chữ ký, con dấu (nếu có) của bên uỷ quyền. |
| 3. Giấy uỷ quyền không có thời hạn uỷ quyền được coi là có hiệu lực vô thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực khi bên uỷ quyền tuyên bố chấm dứt uỷ quyền. | 3. ~~Giấy ủy quyền~~ **Văn bản** uỷ quyền không có thời hạn uỷ quyền được coi là có hiệu lực vô thời hạn và chỉ chấm dứt hiệu lực khi bên uỷ quyền có văn bản tuyên bố chấm dứt việc uỷ quyền. |
|  | **4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về điều kiện của tổ chức, cá nhân được nhận ủy quyền và các vấn đề liên quan đến ủy quyền đại diện thực hiện thủ tục liên quan đến sở hữu công nghiệp.** |
| ***Mục 3. THỦ TỤC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VÀ CẤP VĂN BẰNG BẢO HỘ*** | | |
| **Điều 108. Tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, ngày nộp đơn** | **Điều 108. Tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, ngày nộp đơn** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 108* |
| 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp chỉ được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp tiếp nhận nếu có ít nhất các thông tin và tài liệu sau đây:  a) Tờ khai đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, trong đó có đủ thông tin để xác định người nộp đơn và mẫu nhãn hiệu, danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu;  b) Bản mô tả, trong đó có phạm vi bảo hộ đối với đơn đăng ký sáng chế; bộ ảnh chụp, bản vẽ, bản mô tả đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp; bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý;  c) Chứng từ nộp phí, lệ phí. | “1. ~~Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp chỉ được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp tiếp nhận nếu có ít nhất các thông tin và tài liệu sau đây:~~  ~~a) Tờ khai đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, trong đó có đủ thông tin để xác định người nộp đơn và mẫu nhãn hiệu, danh mục sản phẩm, dịch vụ mang nhãn hiệu đối với đơn đăng ký nhãn hiệu;~~  ~~b) Bản mô tả, trong đó có phạm vi bảo hộ đối với đơn đăng ký sáng chế; bộ ảnh chụp, bản vẽ, bản mô tả đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp; bản mô tả tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đối với đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý;~~  ~~c) Chứng từ nộp phí, lệ phí.~~ | Chỉ giữ lại quy định về ngày nộp đơn do ngày này có ý nghĩa quan trọng với việc cấp quyền và được đề cập trong các quy định về căn cứ bảo hộ/từ chối bảo hộ trong Luật. |
| 2. Ngày nộp đơn là ngày đơn được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp tiếp nhận hoặc là ngày nộp đơn quốc tế đối với đơn nộp theo điều ước quốc tế. | 2. Ngày nộp đơn là ngày đơn được ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ tiếp nhận hoặc là ngày nộp đơn quốc tế đối với đơn nộp theo điều ước quốc tế. |
| 3. Đơn đăng ký đối với sáng chế mật được thực hiện theo quy định của Chính phủ. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | **4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định điều kiện tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** |  |
| **Điều 109. Thẩm định hình thức đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | **Điều 109. Thẩm định hình thức đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | *Bổ sung điểm c1 vào sau điểm c khoản 2, sửa đổi, bổ sung các khoản 3, 4 và 5 Điều 109* |
| 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định hình thức để đánh giá tính hợp lệ của đơn. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bị coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:  a) Đơn không đáp ứng các yêu cầu về hình thức;  b) Đối tượng nêu trong đơn là đối tượng không được bảo hộ;  c) Người nộp đơn không có quyền đăng ký, kể cả trường hợp quyền đăng ký cùng thuộc nhiều tổ chức, cá nhân nhưng một hoặc một số người trong số đó không đồng ý thực hiện việc nộp đơn;  d) Đơn được nộp trái với quy định về cách thức nộp đơn quy định tại Điều 89 của Luật này;  đ) Người nộp đơn không nộp đủ phí, lệ phí theo quy định;  e) Đơn đăng ký sáng chế được nộp trái với quy định về kiểm soát an ninh đối với sáng chế quy định tại Điều 89a của Luật này. | 2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp bị coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau đây:  **c1) Có cơ sở để khẳng định rằng tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí không phải là con người;** | Thuyết minh tương tự tại điểm d khoản 1 Điều 96  (ví dụ về cơ sở để khẳng định không phải là con người: tên tác giả trùng với tên của một chương trình máy tính, tên không theo cấu trúc thông thường của tên người, thiếu thông tin về quốc tịch, điện thoại, email, v.v. ). |
| 3. Đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thực hiện các thủ tục sau đây:  a) Thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ, trong đó phải nêu rõ lý do và ấn định thời hạn để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối;  b) Thông báo từ chối chấp nhận đơn hợp lệ nếu người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót, sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến xác đáng phản đối dự định từ chối quy định tại điểm a khoản này;  c) Thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn đối với đơn đăng ký thiết kế bố trí;  d) Thực hiện thủ tục quy định tại khoản 4 Điều này nếu người nộp đơn sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu hoặc có ý kiến xác đáng phản đối dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ quy định tại điểm a khoản này. | 3. **Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xử lý** ~~Đ~~đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này~~, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thực hiện các thủ tục sau đây:~~  ~~a) Thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ, trong đó phải nêu rõ lý do và ấn định thời hạn để người nộp đơn sửa chữa thiếu sót hoặc có ý kiến phản đối dự định từ chối;~~  ~~b) Thông báo từ chối chấp nhận đơn hợp lệ nếu người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót, sửa chữa thiếu sót không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến xác đáng phản đối dự định từ chối quy định tại điểm a khoản này;~~  ~~c) Thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn đối với đơn đăng ký thiết kế bố trí;~~  ~~d) Thực hiện thủ tục quy định tại khoản 4 Điều này nếu người nộp đơn sửa chữa thiếu sót đạt yêu cầu hoặc có ý kiến xác đáng phản đối dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ quy định tại điểm a khoản này~~. | Sửa đổi bổ sung khoản 3 theo hướng giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về việc xử lý các đơn thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. |
| 4. Đối với đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra thông báo chấp nhận đơn hợp lệ hoặc thực hiện thủ tục cấp văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 118 của Luật này đối với đơn đăng ký thiết kế bố trí. | 4. Đ~~ối với đ~~ơn đăng ký sở hữu công nghiệp không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này **được coi là đơn hợp lệ về hình thức và được công bố theo quy định tại Điều 110 và thẩm định nội dung theo quy định tại Điều 114** ~~hoặc thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ra thông báo chấp nhận đơn hợp lệ~~ hoặc thực hiện thủ tục cấp văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 118 của Luật này đối với đơn đăng ký thiết kế bố trí. **Ngày đơn được chuyển để công bố được xem là ngày đơn được coi là hợp lệ về mặt hình thức.** | Sửa đổi, bổ sung khoản 4 theo hướng bỏ bước thông báo đơn hợp lệ để giảm công việc không cần thiết mà cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN phải thực hiện mà chuyển công bố và thẩm định nội dung theo quy định. |
| 5. Đơn đăng ký nhãn hiệu bị từ chối theo quy định tại khoản 3 Điều này bị coi là không được nộp, trừ trường hợp đơn được dùng làm căn cứ để yêu cầu hưởng quyền ưu tiên. | 5. Đơn đăng ký **sáng chế, kiểu dáng công nghiệp,** nhãn hiệu, bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ vì không hợp lệ về mặt hình thức bị coi là không được nộp, **nhưng** ~~trừ trường hợp đơn~~ được dùng làm căn cứ để yêu cầu hưởng quyền ưu tiên. | - Sửa đổi, bổ sung quy định về việc sử dụng đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng dáng công nghiệp chưa được chấp nhận hợp lệ có thể được sử dụng để hưởng quyền ưu tiên để phù hợp với quy định tại Điều 4 của Công ước Paris cũng như thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 116.  Trước đây, việc lấy đơn bị từ chối hình thức làm cơ sở để hưởng quyền ưu tiên phải căn cứ vào khoản 3 Điều 116 Luật SHTT. Tuy nhiên, quy định tại khoản 3 chưa đủ rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân.  Khoản 3 Điều 116 quy định: Mọi đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp đã rút hoặc bị coi là đã rút nếu chưa công bố và mọi đơn đăng ký nhãn hiệu đã rút đều được coi là chưa từng được nộp, trừ trường hợp đơn được dùng làm căn cứ để yêu cầu hưởng quyền ưu tiên. |
| **Điều 110. Công khai đơn đăng ký nhãn hiệu, công bố đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | **Điều 110. Công khai đơn đăng ký nhãn hiệu, công bố đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1a, 1, 2 và 3 Điều 110* |
| 1a. Đơn đăng ký nhãn hiệu chưa được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấp nhận hợp lệ được công khai ngay sau khi được tiếp nhận. | 1a. Đơn đăng ký nhãn hiệu hợp lệ ~~chưa được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấp nhận hợp lệ~~ được công khai ngay sau khi được tiếp nhận. | Rà soát các điều khoản có quy định về quyết định chấp nhận đơn hợp lệ để sửa đổi cho phù hợp.  Quy định để hợp pháp hóa công báo điện tử. |
| 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đã được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấp nhận hợp lệ được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều này. | 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp ~~đã được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp chấp nhận~~ hợp lệ được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều này. |  |
| 2. Đơn đăng ký sáng chế được công bố trong tháng thứ mười chín kể từ ngày nộp đơn hoặc từ ngày ưu tiên đối với đơn được hưởng quyền ưu tiên hoặc vào thời điểm sớm hơn theo yêu cầu của người nộp đơn. | 2. Đơn đăng ký sáng chế **hợp lệ** **về hình thức** được công bố trong tháng thứ mười chín kể từ ngày nộp đơn hoặc từ ngày ưu tiên đối với đơn được hưởng quyền ưu tiên hoặc **trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày** ~~vào thời điểm sớm hơn theo yêu cầu của~~ người nộp đơn **có yêu cầu công bố** **tùy thuộc thời điểm nào sớm hơn**. | Sửa đổi, bổ sung quy định về công bố đơn đăng ký sáng chế trong trường hợp có yêu cầu công bố sớm để phù hợp với thực tiễn. Theo đó, người nộp đơn trong trường hợp muốn công bố sớm thì nộp văn bản yêu cầu công bố sớm, văn bản này không chỉ ra thời điểm nào là thời điểm người nộp đơn muốn đơn được công bố (ví dụ như tháng thứ 8, tháng thứ 9 kể từ ngày nộp đơn) mà đơn thuần chỉ là yêu cầu đơn công bố sớm. Do đó, quy định rõ đơn sẽ được công bố trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày có yêu cầu công bố sớm, trừ trường hợp mà việc thẩm định hình thức đơn bị kéo dài (do những sai sót trong đơn cần phải thông báo cho người nộp đơn sửa chữa, thời gian người nộp đơn phản hồi,...) vượt quá thời hạn 01 tháng kể từ ngày yêu cầu công bố sớm thì đơn sẽ được công bố kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ. |
| 3. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, đơn đăng ký nhãn hiệu, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố trong thời hạn hai tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận là đơn hợp lệ. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có thể được công bố vào thời điểm muộn hơn theo yêu cầu của người nộp đơn tại thời điểm nộp đơn nhưng không quá bảy tháng kể từ ngày nộp đơn. | 3. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, đơn đăng ký nhãn hiệu, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố trong thời hạn **một** ~~hai~~ tháng kể từ ngày đơn được coi là hợp lệ. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có thể được công bố vào thời điểm muộn hơn theo yêu cầu của người nộp đơn tại thời điểm nộp đơn nhưng không quá bảy tháng kể từ ngày nộp đơn. | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 để giảm thời hạn thực hiện công bố xuống còn 01 tháng, nhằm đẩy nhanh quá trình xử lý đơn. |
| **Điều 111. Bảo mật đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp trước khi công bố** | **Điều 111. Bảo mật đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp trước khi công bố** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và 2 Điều 111* |
| 1. Trước thời điểm đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm bảo mật thông tin trong đơn. | 1. Trước thời điểm đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp, ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm bảo mật~~ thông tin trong đơn **phải được bảo mật**. | Nghĩa vụ thực hiện bảo mật đơn phải được quy định cho tất cả tổ chức, cá nhân tham gia quá trình xử lý đơn. Đồng thời, quy định này nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình hiện nay, để tối ưu hóa hiệu suất công việc một số công đoạn kỹ thuật của quá trình xử lý đơn sẽ thuê bên ngoài thực hiện và với tình hình phải tinh giảm biên chế, thu gọn bộ máy cơ quan nhà nước. |
| 2. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp làm lộ bí mật thông tin trong đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp thì bị xử lý kỷ luật; nếu việc làm lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho người nộp đơn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. | 2. Cán bộ, công chức, **viên chức, người lao động liên quan đến quy trình xử lý đơn** ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ làm lộ bí mật thông tin trong đơn đăng ký sáng chế, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp thì bị xử lý kỷ luật; nếu việc làm lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho người nộp đơn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. |
| **Điều 112a. Phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | **Điều 112a. Phản đối đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và 3 Điều 112a* |
| 1. Trước ngày ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, trong các thời hạn sau đây, bất kỳ người thứ ba nào cũng có quyền phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ:  a) Chín tháng kể từ ngày đơn đăng ký sáng chế được công bố;  b) Bốn tháng kể từ ngày đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố;  c) Năm tháng kể từ ngày đơn đăng ký nhãn hiệu được công bố;  d) Ba tháng kể từ ngày đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố. | 1. T~~rước~~ ~~ngày ra quyết định cấp văn bằng bảo hộ, t~~rong các thời hạn sau đây, bất kỳ người thứ ba nào cũng có quyền phản đối việc cấp văn bằng bảo hộ:  a) ~~Chín~~ **Sáu** tháng kể từ ngày đơn đăng ký sáng chế được công bố;  b) ~~Bốn~~ **Ba** tháng kể từ ngày đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố;  c) ~~Năm~~ **Ba** tháng kể từ ngày đơn đăng ký nhãn hiệu được công bố;  d) Ba tháng kể từ ngày đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được công bố. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 để giảm thời hạn người thứ ba được phản đối đơn cho phù hợp với việc giảm thời hạn xử lý đơn và cho phù hợp với thông lệ quốc tế, để đẩy nhanh quá trình thẩm định đơn.  Người thứ ba vẫn còn cơ hội để yêu cầu hủy bỏ văn bằng bảo hộ hoặc khiếu nại quyết định cấp VBBH nếu có quyền và lợi ích liên quan. |
| 2. Ý kiến phản đối quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản kèm theo tài liệu hoặc trích dẫn nguồn thông tin để chứng minh và phải nộp phí, lệ phí. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm xử lý ý kiến phản đối quy định tại khoản 2 Điều này theo trình tự, thủ tục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định. | 3. ~~Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có trách nhiệm xử lý ý kiến phản đối quy định tại khoản 2 Điều này theo trình tự, thủ tục do~~ Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định **chi tiết trình tự, thủ tục xử lý ý kiến phản đối tại khoản 2 Điều này.** | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 theo hướng không nêu rõ cơ quan xử lý để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| **Điều 113. Yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế** | **Điều 113. Yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 113* |
| 1. Trong thời hạn bốn mươi hai tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc kể từ ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên, người nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc bất kỳ người thứ ba nào đều có thể yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thẩm định nội dung đơn với điều kiện phải nộp phí thẩm định nội dung đơn. | 1. Trong thời hạn bốn mươi hai tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc kể từ ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên, người nộp đơn đăng ký sáng chế hoặc bất kỳ người thứ ba nào đều có quyền yêu cầu ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ thẩm định nội dung đơn với điều kiện phải nộp phí thẩm định nội dung đơn. | Sửa đổi để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| 2. Thời hạn yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế có yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích là ba mươi sáu tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc kể từ ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Trường hợp không có yêu cầu thẩm định nội dung nộp trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì đơn đăng ký sáng chế được coi như đã rút tại thời điểm kết thúc thời hạn đó. |  |
|  | **4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế.** | Bổ sung khoản 4 để trao thẩm quyền quy định chi tiết việc thẩm định nội dung cho Bộ trưởng Bộ KH&CN. |
| **Điều 114. Thẩm định nội dung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | **Điều 114. Thẩm định nội dung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 3 và 4, bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 114* |
| 1. Những đơn đăng ký sở hữu công nghiệp sau đây được thẩm định nội dung để đánh giá khả năng cấp văn bằng bảo hộ cho đối tượng nêu trong đơn theo các điều kiện bảo hộ và xác định phạm vi bảo hộ tương ứng:  a) Đơn đăng ký sáng chế đã được công nhận là hợp lệ và có yêu cầu thẩm định nội dung nộp theo quy định;  b) Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, đơn đăng ký nhãn hiệu, đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã được công nhận là hợp lệ.  2. Đơn đăng ký thiết kế bố trí không được thẩm định nội dung. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có thể sử dụng kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế trùng với sáng chế được yêu cầu bảo hộ do cơ quan sáng chế nước ngoài thực hiện trong quá trình đánh giá khả năng bảo hộ. | 3. ~~Cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có thể sử dụng kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế trùng với sáng chế được yêu cầu bảo hộ do cơ quan sáng chế nước ngoài thực hiện trong quá trình đánh giá khả năng bảo hộ.~~ **Trường hợp sáng chế trong đơn đăng ký nộp tại Việt Nam trùng với sáng chế được yêu cầu bảo hộ trong đơn nộp tại cơ quan sáng chế nước ngoài thì kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế của cơ quan sáng chế nước ngoài đó có thể được sử dụng trong quá trình đánh giá khả năng bảo hộ.** | Sửa đổi, bổ sung Điều 114 theo hướng không đề cập cụ thể cơ quan, tổ chức sẽ sử dụng kết quả thẩm định đơn đăng ký sáng chế ở nước ngoài trong quá tiến hành thẩm định nội dung để để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
|  | **3a. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được tạm dừng thẩm định nội dung trong các trường hợp sau đây:**  **a) Người nộp đơn nộp đề nghị tạm dừng thẩm định đơn để yêu cầu chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo trường hợp loại trừ được quy định tại điểm e và điểm h khoản 2 Điều 74 của Luật này. Việc thẩm định nội dung đơn được tiếp tục thực hiện ~~ngay sau~~ khi có kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.**  **b) Có thông báo thụ lý vụ án của Tòa án có thẩm quyền về việc người thứ ba khởi kiện liên quan đến quyền đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc nhãn hiệu được đăng ký với dụng ý xấu. Việc thẩm định nội dung đơn được tiếp tục thực hiện ngay sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án.** | Đưa quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều 117 lên để phù hợp với nội dung Điều 114. |
| 4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc sử dụng kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế quy định tại khoản 3 Điều này. | 4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết việc **thẩm định nội dung đơn đăng ký sở hữu công nghiệp và** sử dụng kết quả thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế quy định tại khoản 3 Điều này. |  |
| **Điều 117. Từ chối cấp văn bằng bảo hộ** | **Điều 117. Từ chối cấp văn bằng bảo hộ** | *Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1 và khoản 1b vào sau khoản 1a Điều 117, bãi bỏ khoản 3 Điều 117* |
| 1. Đơn đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ trong các trường hợp sau đây:  a) Có cơ sở để khẳng định rằng đối tượng nêu trong đơn không đáp ứng đầy đủ các điều kiện bảo hộ;  b) Có cơ sở để khẳng định rằng người nộp đơn không có quyền đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc đăng ký nhãn hiệu với dụng ý xấu;  c) Đơn đáp ứng các điều kiện để được cấp văn bằng bảo hộ nhưng không phải là đơn có ngày ưu tiên hoặc ngày nộp đơn sớm nhất thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 90 của Luật này;  d) Đơn thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 90 của Luật này mà không được sự thống nhất của tất cả những người nộp đơn;  đ) Việc sửa đổi, bổ sung đơn làm mở rộng phạm vi đối tượng đã bộc lộ hoặc nêu trong đơn hoặc làm thay đổi bản chất của đối tượng yêu cầu đăng ký nêu trong đơn. | Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 1:  **e) Đơn bị coi là không hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật này;** | Hiện nay, theo quy định tại Điều 109 của Luật Sở hữu trí tuệ, đối với đơn không hợp lệ thì cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp sẽ ban hành thông báo từ chối chấp đơn hợp lệ (dưới dạng Quyết định), tuy nhiên về bản chất là từ chối yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ cho đơn đăng ký. Tham khảo pháp luật các nước, trong trường hợp đơn không đáp ứng các điều kiệu quy định (hình thức hoặc nội dung) trong trường hợp đã có thông báo của cơ quan SHTT nhưng người nộp đơn không khắc phục được thì cơ quan SHTT chỉ ban hành 1 loại quyết định từ chối duy nhất mà không có sự phân biệt như pháp luật SHTT Việt Nam. Do đó, đề xuất bổ sung trường hợp đơn không hợp lệ thì cơ quan quản lý nhà nước sẽ ban hành quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ (thay về quyết định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ). |
|  | **1b. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và 1a Điều này, đơn đăng ký sáng chế và kiểu dáng công nghiệp bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ trong trường hợp có cơ sở để khẳng định rằng tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp đó không phải là con người.** | Thuyết minh tương tự tại điểm d khoản 1 Điều 96 |
| 3. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1, 1a và 2 Điều này thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thực hiện các thủ tục sau đây:  a) Thông báo kết quả thẩm định nội dung, trong đó nêu rõ dự định từ chối cấp văn bằng bảo hộ, lý do và ấn định thời hạn để người nộp đơn có ý kiến phản đối dự định từ chối;  b) Tạm dừng quy trình thẩm định đơn trong trường hợp người nộp đơn nộp đề nghị tạm dừng thẩm định đơn và yêu cầu chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo trường hợp loại trừ được quy định tại điểm e và điểm h khoản 2 Điều 74 của Luật này. Căn cứ kết quả giải quyết yêu cầu chấm dứt hiệu lực hoặc hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp tiếp tục quy trình thẩm định đơn;  c) Tạm dừng quy trình thẩm định đơn trong trường hợp nhận được bản sao thông báo thụ lý vụ án của Tòa án có thẩm quyền về việc người thứ ba khởi kiện liên quan đến quyền đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp hoặc nhãn hiệu được đăng ký với dụng ý xấu. Căn cứ kết quả giải quyết của Tòa án, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp tiếp tục quy trình thẩm định đơn;  d) Quyết định từ chối cấp văn bằng bảo hộ nếu người nộp đơn không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng về dự định từ chối quy định tại điểm a khoản này. | *Bãi bỏ khoản 3* | Quy trình thực hiện thẩm định nội dung, thông báo kết quả thẩm định nội dung do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trên cơ sở quy định tại khoản 4 Điều 114. |
| **Điều 118. Cấp văn bằng bảo hộ, đăng bạ** | **Điều 118. Cấp văn bằng bảo hộ, đăng bạ** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 118* |
| 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không thuộc trường hợp từ chối cấp văn bằng bảo hộ quy định tại các khoản 1, 1a và 2, điểm d khoản 3 Điều 117 của Luật này hoặc người nộp đơn có ý kiến xác đáng phản đối về dự định từ chối quy định tại điểm a khoản 3 Điều 117 của Luật này thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thực hiện các công việc sau đây:  a) Thông báo kết quả thẩm định nội dung, trong đó nêu rõ dự định cấp văn bằng bảo hộ đối với toàn bộ hoặc phần đáp ứng điều kiện bảo hộ và ấn định thời hạn để người nộp đơn nộp phí, lệ phí hoặc có ý kiến phản đối về kết quả thẩm định nội dung;  b) Quyết định cấp văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp nếu người nộp đơn nộp phí, lệ phí.  2. Trong trường hợp có ý kiến phản đối về kết quả thẩm định nội dung, đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tương ứng được thẩm định lại về những vấn đề bị phản đối. | 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp không thuộc trường hợp từ chối cấp văn bằng bảo hộ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1, khoản 1a, khoản 1b và khoản 2 của Điều 117 của Luật này~~, điểm d khoản 3 Điều 117 của Luật này hoặc người nộp đơn có ý kiến xác đáng phản đối về dự định từ chối quy định tại điểm a khoản 3 Điều 117 của Luật này~~ **và người nộp đơn nộp đủ phí, lệ phí theo quy định của pháp luật** thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ~~thực hiện các công việc sau đây: a) Thông báo kết quả thẩm định nội dung, trong đó nêu rõ dự định cấp văn bằng bảo hộ đối với toàn bộ hoặc phần đáp ứng điều kiện bảo hộ và ấn định thời hạn để người nộp đơn nộp phí, lệ phí hoặc có ý kiến phản đối về kết quả thẩm định nội dung;~~**ra** quyết định cấp văn bằng bảo hộ và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp~~nếu người nộp đơn nộp phí, lệ phí~~. | Sửa đổi theo hướng chỉ quy định về việc quyết định cấp văn bằng bảo hộ cho những trương hợp đáp ứng quy định, còn đối với thông báo kết quả thẩm định nội dung (quy định tại điểm a khoản 1) sẽ được quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn thi hành (như theo đề xuất sửa đổi tại khoản 4 Điều 114). |
| **Điều 119. Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** | **Điều 119. Thời hạn xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp** |  |
| 1. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định hình thức trong thời hạn một tháng, kể từ ngày nộp đơn. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 2. Đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được thẩm định nội dung trong thời hạn sau đây:  a) Đối với sáng chế không quá mười tám tháng, kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn;  b) Đối với nhãn hiệu không quá chín tháng, kể từ ngày công bố đơn;  c) Đối với kiểu dáng công nghiệp không quá bảy tháng, kể từ ngày công bố đơn;  d) Đối với chỉ dẫn địa lý không quá sáu tháng, kể từ ngày công bố đơn. | a) Đối với sáng chế không quá mười ~~tám~~ **hai** tháng, kể từ ngày công bố đơn nếu yêu cầu thẩm định nội dung được nộp trước ngày công bố đơn hoặc kể từ ngày nhận được yêu cầu thẩm định nội dung nếu yêu cầu đó được nộp sau ngày công bố đơn;  b) Đối với nhãn hiệu không quá ~~chín~~ **năm** tháng, kể từ ngày công bố đơn;  c) Đối với kiểu dáng công nghiệp không quá ~~bảy~~ **năm** tháng, kể từ ngày công bố đơn;  d) Đối với chỉ dẫn địa lý không quá ~~sáu~~ **năm** tháng, kể từ ngày công bố đơn. | Sửa theo hướng rút ngắn thời hạn xử lý đơn sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nhằm tạo thuận lợi hơn cho người nộp đơn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội; đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân “cắt giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục yêu cầu cấp quyền sở hữu trí tuệ, bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế” |
| **Điều 119a. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến các thủ tục về sở hữu công nghiệp** | **Điều 119a. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại liên quan đến các thủ tục về sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1Điều 119a* |
| 1. Người nộp đơn và tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đến quyết định hoặc thông báo liên quan đến việc xử lý đơn đăng ký xác lập quyền, duy trì, gia hạn, sửa đổi, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp, đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ban hành có quyền khiếu nại với cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. | 1. Người nộp đơn và tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích liên quan trực tiếp đến quyết định hoặc thông báo liên quan đến việc xử lý đơn đăng ký xác lập quyền, duy trì, gia hạn, sửa đổi, chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp, đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp ~~do cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ban hành~~ có quyền khiếu nại với **người ra quyết định, thông báo** ~~cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~ hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. | Theo Điều 10 của Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, việc xử lý đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Sở hữu trí tuệ (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2019) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (theo Luật SHTT hiện hành là cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp), do đó đề xuất sửa đổi khoản 1 để phù hợp với thẩm quyền ban hành quyết định, thông báo liên quan đến thủ tục đăng ký hợp đồng. |
| ***Mục 4. ĐƠN QUỐC TẾ, ĐỀ NGHỊ QUỐC TẾ VÀ XỬ LÝ ĐƠN QUỐC TẾ, ĐỀ NGHỊ QUỐC TẾ*** | | |
| **Điều 120a. Đề nghị quốc tế và xử lý đề nghị quốc tế về chỉ dẫn địa lý** | **Điều 120a. Đề nghị quốc tế và xử lý đề nghị quốc tế về chỉ dẫn địa lý** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 120a* |
| 2. Việc công bố đề nghị quốc tế, xử lý ý kiến của người thứ ba, đánh giá điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý trong đề nghị quốc tế được thực hiện theo các quy định tương ứng tại Luật này đối với chỉ dẫn địa lý trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được nộp cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp. | 2. Việc công bố đề nghị quốc tế, xử lý ý kiến của người thứ ba, đánh giá điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý trong đề nghị quốc tế được thực hiện theo các quy định tương ứng tại Luật này đối với chỉ dẫn địa lý trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được nộp **theo thủ tục quốc gia được quy định tại Luật này** ~~cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp~~. | Sửa đổi để tạo cơ sở cho khả năng tổ chức, sắp xếp lại cơ quan trực tiếp thực hiện hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp theo hướng phù hợp hơn với tình hình mới và nhằm đáp ứng được nhu cầu về hoạt động bảo hộ quyền SHTT. |
| **Chương IX. CHỦ SỞ HỮU, NỘI DUNG VÀ GIỚI HẠN QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** | | |
| ***Mục 1. CHỦ SỞ HỮU VÀ NỘI DUNG QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP*** | | |
| **Điều 121. Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp** | **Điều 121. Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp** | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| **Điều 123. Quyền của chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp** | **Điều 123. Quyền của chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp** | *Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 123* |
| 1. Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp có các quyền tài sản sau đây:  a) Sử dụng, cho phép người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 124 và Chương X của Luật này;  b) Ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 125 của Luật này;  c) Định đoạt đối tượng sở hữu công nghiệp theo quy định tại Chương X của Luật này.  2. Tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng, tổ chức được trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định tại khoản 4 Điều 121 của Luật này hoặc theo pháp luật của nước xuất xứ của chỉ dẫn địa lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý đó theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | **3. Tổ chức được ghi nhận là đại diện chủ sở hữu trên văn bằng bảo hộ được đại diện thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí phù hợp với các quy định của Luật này và quy định pháp luật có liên quan.** | Bổ sung quy định tại khoản 3 để phù hợp với quy định của Luật KHCN &ĐMST, tạo thuận lợi cho hoạt động khai thác tài sản trí tuệ tạo ra từ ngân sách nhà nước. |
| **Điều 129. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý** | **Điều 129. Hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý** | *Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 129* |
| 1. Các hành vi sau đây được thực hiện mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu:  a) Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng với hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó;  b) Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ tương tự hoặc liên quan tới hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ;  c) Sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hóa, dịch vụ trùng, tương tự hoặc liên quan tới hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ;  d) Sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng hoặc dấu hiệu dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm từ nhãn hiệu nổi tiếng cho hàng hóa, dịch vụ bất kỳ, kể cả hàng hóa, dịch vụ không trùng, không tương tự và không liên quan tới hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng, nếu việc sử dụng có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa hoặc gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng.  2. Mọi hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại trùng hoặc tương tự với tên thương mại của người khác đã được sử dụng trước cho cùng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc cho sản phẩm, dịch vụ tương tự, gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó đều bị coi là xâm phạm quyền đối với tên thương mại.  3. Các hành vi sau đây bị coi là xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ:  a) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm mặc dù có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý, nhưng sản phẩm đó không đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;  b) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín của chỉ dẫn địa lý;  c) Sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó;  d) Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ đối với rượu vang, rượu mạnh cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó, kể cả trường hợp có nêu chỉ dẫn về nguồn gốc xuất xứ thật của hàng hóa hoặc chỉ dẫn địa lý được sử dụng dưới dạng dịch nghĩa, phiên âm hoặc được sử dụng kèm theo các từ loại, kiểu, dạng, phỏng theo hoặc những từ tương tự như vậy. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | **4. Nhà cung cấp dịch vụ trung gian, nền tảng số không gỡ bỏ, ẩn hoặc vô hiệu hóa truy cập đến thông tin, nội dung, tài khoản, trang, nhóm, kênh, ứng dụng hoặc các định danh số có liên quan đến hành vi xâm phạm quyền quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì bị xem là đã thực hiện các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý được quy định tại Điều này.** | Bổ sung hành vi không thực hiện các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc gỡ bỏ, ẩn hoặc vô hiệu hóa truy cập đến thông tin, nội dung, tài khoản, trang, nhóm, kênh, ứng dụng hoặc các định danh số có liên quan đến hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý. |
| ***Mục 2. CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP*** | | |
| **Điều 141. Quy định chung về chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp** | **Điều 141. Quy định chung về chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp** | *Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 141* |
| 1. Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp là việc chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình.  2. Việc chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp). |  |  |
|  | **3. Trong trường hợp quyền sở hữu công nghiệp được sử dụng làm tài sản thế chấp vay vốn, chủ sở hữu được chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp cho tổ chức, cá nhân khác nhưng phải thông báo cho bên nhận chuyển quyền về việc quyền sở hữu công nghiệp đang được dùng để thế chấp và phải thông báo cho bên nhận thế chấp biết.** |  |
| ***Mục 3. BẮT BUỘC CHUYỂN GIAO QUYỀN SỬ DỤNG ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ*** | | |
| **Điều 146. Điều kiện hạn chế quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc** | **Điều 146. Điều kiện hạn chế quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc** | *Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 146* |
| 1. Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải phù hợp với các điều kiện sau đây:  a) Quyền sử dụng được chuyển giao thuộc dạng không độc quyền;  b) Quyền sử dụng được chuyển giao chỉ được giới hạn trong phạm vi và thời hạn đủ để đáp ứng mục tiêu chuyển giao, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 145 của Luật này. Đối với sáng chế trong lĩnh vực công nghệ bán dẫn thì việc chuyển giao quyền sử dụng chỉ nhằm mục đích công cộng, phi thương mại hoặc nhằm xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh theo quy định của pháp luật về cạnh tranh;  c) Người được chuyển giao quyền sử dụng không được chuyển nhượng quyền đó cho người khác, trừ trường hợp chuyển nhượng cùng với cơ sở kinh doanh của mình và không được chuyển giao quyền sử dụng thứ cấp cho người khác;  d) Người được chuyển giao quyền sử dụng phải trả cho người nắm độc quyền sử dụng sáng chế khoản tiền đền bù theo thỏa thuận, trường hợp không đạt được thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc để nhập khẩu dược phẩm theo cơ chế của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và khoản tiền đền bù cho việc sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc đã được trả tại nước xuất khẩu;  đ) Quyền sử dụng được chuyển giao chủ yếu để cung cấp cho thị trường trong nước, trừ trường hợp quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 145 của Luật này. | 1. Quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải phù hợp với các điều kiện sau đây:  d) Người được chuyển giao quyền sử dụng phải trả cho người nắm độc quyền sử dụng sáng chế khoản tiền đền bù thỏa đáng tùy thuộc vào giá trị kinh tế của quyền sử dụng đó trong từng trường hợp cụ thể ~~theo thỏa thuận, trường hợp không đạt được thỏa thuật thì thực hiện~~ theo quy định của Chính phủ, trừ trường hợp quyền sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc để nhập khẩu dược phẩm theo cơ chế của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và khoản tiền đền bù cho việc sử dụng sáng chế được chuyển giao theo quyết định bắt buộc đã được trả tại nước xuất khẩu; | Sửa đổi quy định về chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng để bảo đảm trường hợp này thực hiện theo quy định của Chính phủ mà không cần phải thỏa thuận với chủ sở hữu, nhằm chống lại việc lạm dụng độc quyền của chủ sở hữu trí tuệ. |
| **Điều 147. Thẩm quyền và thủ tục chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc** | **Điều 147. Thẩm quyền và thủ tục chuyển giao quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 147* |
| 1. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở xem xét yêu cầu được chuyển giao quyền sử dụng đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 145 của Luật này.  Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình trong trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 145 của Luật này trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ. | 1. **Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** ~~Bộ Khoa học và Công nghệ~~ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế trên cơ sở xem xét yêu cầu được chuyển giao quyền sử dụng đối với trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 145 của Luật này **trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ**.  Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng sáng chế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình trong trường hợp quy định tại điểm a và điểm đ khoản 1 Điều 145 của Luật này trên cơ sở tham khảo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ. | Sửa đổi, bổ sung Điều 147 để phù hợp với Nghị định 133/2025/NĐ-CP về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; đồng thời bảo đảm quản lý tốt vấn đề liên quan đến thực hiện quy định về chuyển giao bắt buộc theo các cam kết quốc tế. |
| ***Mục 4. ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP*** | | |
| **Điều 148. Hiệu lực của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp** | **Điều 148. Hiệu lực của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 148* |
| 1. Đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Luật này, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.  2. Đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 của Luật này, hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các bên. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022 |
| 3. Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp tại khoản 2 Điều này, trừ hợp đồng sử dụng nhãn hiệu, phải đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp mới có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba. | 3. Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp tại khoản 2 Điều này, trừ hợp đồng sử dụng nhãn hiệu, phải đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước **có thẩm quyền** ~~về quyền sở hữu công nghiệp~~ mới có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba. |  |
| **Điều 149. Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp** | Bãi bỏ Điều này. | Lý do tương tự việc sửa đổi tại Điều 100, đưa quy định về thủ tục hành chính xuống văn bản dưới Luật để bảo đảm tính ổn định của Luật. |
| **Điều 150. Xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp** | **Điều 150. Xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 150* |
| Trình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp do Chính phủ quy định. | **Cơ quan, t**rình tự, thủ tục tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp do Chính phủ quy định. | Sửa đổi, bổ sung Điều 150 theo hướng giao cho Chính phủ quy định chi tiết cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận. |
|  | **Bổ sung Điều 150a sau Điều 150** | **Bổ sung Điều 150a sau Điều 150** |
|  | **Điều 150a. Thế chấp quyền sở hữu công nghiệp để vay vốn**  **1. Quyền sở hữu công nghiệp trừ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý có thể được sử dụng làm tài sản thế chấp để vay vốn theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp quyền sở hữu công nghiệp để vay vốn phải được lập thành văn bản và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để có hiệu lực đối kháng với bên thứ ba.**  **2. Hợp đồng phải nêu rõ thông tin về tình trạng bảo hộ của quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm cả thông tin về việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp đang thực hiện.**  **3. Trong trường hợp quyền sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung, việc thế chấp phải có sự đồng ý bằng văn bản của tất cả các đồng chủ sở hữu, trừ trường hợp các phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập.**  **4. Đối với trường hợp quyền sở hữu công nghiệp thế chấp là quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, bên thế chấp có trách nhiệm thực hiện các thủ tục duy trì, gia hạn hiệu lực theo quy định.**  **5. Trường hợp bên thế chấp không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, bên nhận thế chấp có quyền khai thác, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đã thế chấp theo hình thức bán đấu giá theo quy định của pháp luật.**  **6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.** | **Bổ sung các quy định có liên quan đến việc dùng quyền sở hữu công nghiệp làm tài sản thế chấp để vay vốn nhằm đảm bảo tính minh bạch thông tin và chặt chẽ trong quản lý và xử lý tài sản thế chấp.**  Bộ luật Dân sự (Điều 303 đến 307, 317, 318, 320, 321) đã quy định về việc thế chấp tài sản, tuy nhiên, một số thuật ngữ được quy định chưa phù hợp với đối tượng của quyền SHTT và quyền SHTT là tài sản vô hình, khó kiểm soát đồng thời có một số thủ tục riêng nên cần bổ sung một số quy định để hạn chế rủi ro: hợp đồng vay vốn thế chấp bằng quyền sở hữu công nghiệp phải được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để có hiệu lực với bên thứ ba. Quy định này phù hợp với Bộ luật Dân sự và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP về giao dịch bảo đảm (biện pháp bảo đảm được đăng ký theo thỏa thuận hoặc theo quy định của luật; trường hợp được đăng ký thì biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký). |
| **Chương XI ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP** | | |
| **Điều 155. Điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp** | **Điều 155. Điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các điểm d, e khoản 2, các khoản 2a và 3 Điều 155* |
| 2. Cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây thì được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:  a) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  b) Thường trú tại Việt Nam;  c) Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh; có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương chuyên ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;  d) Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp liên tục từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp liên tục từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận;  đ) Không phải là công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp;  e) Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tổ chức. | 2. Cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây thì được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp:  d) Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp liên tục từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp liên tục từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa **bồi dưỡng** ~~đào tạo~~ pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận;  e) Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp do cơ quan có thẩm quyền tổ chức. | Đề xuất sửa đổi nội dung thay thế khóa đào tạo thành khóa bồi dưỡng pháp luật về sở hữu công nghiệp để phù hợp với đối tượng hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệplà người đang làm việc hoặc đã qua đào tạo (quy định tại điểm c khoản 2 Điều 155) về lĩnh vực này, nhưng cần được bồi dưỡng thêm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ để có thể hành nghề trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. |
| 2a. Công dân Việt Nam là luật sư được phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư, thường trú tại Việt Nam thì được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh nếu đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận. | 2a. Công dân Việt Nam là luật sư được phép hành nghề theo quy định của Luật Luật sư, thường trú tại Việt Nam thì được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh nếu đã tốt nghiệp khóa **bồi dưỡng** ~~đào tạo~~ pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận. |
| 3. Chính phủ quy định cụ thể chương trình đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp, việc kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. | 3. Chính phủ quy định cụ thể ~~chương trình~~ **khóa bồi dưỡng** ~~đào tạo~~ pháp luật về sở hữu công nghiệp, việc kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, cấp**, cấp lại, thu hồi** chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, **ghi nhận, xoá tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp**.” |
| **Điều 156. Ghi nhận, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp** | **Điều 156. Ghi nhận, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và 2, bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 156* |
| 1. Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện kinh doanh, hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 154 và Điều 155 của Luật này được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đó. | 1. Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện kinh doanh, hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp quy định tại Điều 154 và Điều 155 của Luật này được cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp ~~và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đó~~. | Sửa đổi nội dung để phù hợp với quy định tại Nghị định số 133/2025/NĐ-CP đối với các thủ tục về đại diện sở hữu công nghiệp đã được phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện. Sau khi Nghị định số 133/2025/NĐ-CP có hiệu lực, Bộ KH&CN đã phân cấp, phân quyền cho *địa phương* thực hiện các thủ tục hành chính về đại diện sở hữu công nghiệp, không thực hiện việc công bố trên công báo SHCN nữa mà chỉ còn thực hiện bước ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện SHCN để theo dõi chung. Việc công bố do địa phương thực hiện. |
| 2. Trường hợp đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện kinh doanh, hành nghề quy định tại Điều 154 và Điều 155 của Luật này, cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp thu hồi Chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp, xóa tên đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp. | 2. Trường hợp đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện kinh doanh, hành nghề quy định tại Điều 154 và Điều 155 của Luật này, cơ quan quản lý nhà nước ~~về quyền sở hữu công nghiệp~~ thu hồi Chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp, xóa tên đại diện sở hữu công nghiệp trong Sổ đăng ký quốc gia về sở hữu công nghiệp ~~và công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp~~. | Sửa đổi nội dung để phù hợp với quy định tại Nghị định số 133/2025/NĐ-CP đối với các thủ tục về đại diện sở hữu công nghiệp đã được phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện. Sau khi Nghị định số 133/2025/NĐ-CP có hiệu lực, Bộ KH&CN đã phân cấp, phân quyền cho *địa phương* thực hiện các thủ tục hành chính về đại diện sở hữu công nghiệp. Do đó, đề xuất sửa đổi nội dung về chủ thể thực hiện các công việc liên quan đến thủ tục hành chính về đại diện sở hữu công nghiệp ở khoản 2 điều này, thay thế “cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp” thành “cơ quan quản lý nhà nước” để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Riêng nhiệm vụ ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đại diện SHCN thì chỉ có duy nhất cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp có thể thực hiện được nên khoản 1 điều này giữ nguyên chủ thể thực hiện là cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN. |
| 3. Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 152 và Điều 153 của Luật này thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.  4. Người đại diện sở hữu công nghiệp có sai phạm về chuyên môn, nghiệp vụ trong khi hành nghề hoặc vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 152 và điểm a khoản 1 Điều 153 của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị cảnh cáo, phạt tiền, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | **5. Chính phủ quy định chi tiết trình tự thủ tục ghi nhận, xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.** |  |
| **Chương XIII. XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG** | | |
| ***Mục 1. XÁC LẬP QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG*** | | |
| **Điều 164. Đăng ký quyền đối với giống cây trồng** | **Điều 164. Đăng ký quyền đối với giống cây trồng** | *Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 2 Điều 164* |
| 1. Để được bảo hộ quyền đối với giống cây trồng, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc nộp đơn đăng ký bảo hộ cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 2. Tổ chức, cá nhân có quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng (sau đây gọi là người đăng ký) bao gồm:  a) Tác giả trực tiếp chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng bằng công sức và chi phí của mình;  b) Tổ chức, cá nhân đầu tư cho tác giả chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển giống cây trồng dưới hình thức giao việc, thuê việc, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này;  c) Tổ chức, cá nhân được chuyển giao, thừa kế, kế thừa quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng. | **Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 2:**  **b1) Tổ chức được giao quyền quản lý, sử dụng, sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng toàn bộ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo có quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ đó;** | Nội dung này thay thế cho khản 3 Điều 164 đã bị bãi bỏ bởi Luật KHCN và đổi mới sáng tạo (tại điểm h khoản 7 Điều 71), đồng thời kết cấu lại nội dung cho phù hợp với Luật KHCN và Đổi mới sáng tạo. |
| **Điều 165. Đại diện quyền đối với giống cây trồng** | **Điều 165. Đại diện quyền đối với giống cây trồng** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 165* |
| 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam nộp đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng trực tiếp hoặc qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Điều 157 của Luật này nộp đơn qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. | 1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng tại Việt Nam nộp đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng trực tiếp hoặc **qua cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng của tổ chức đó** qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Điều 157 của Luật này nộp đơn qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. | Thực tiễn cho thấy, việc nộp “trực tiếp hoặc qua tổ chức dịch vụ đại diện quyền” đối với các tổ chức nước ngoài có cơ sở sản xuất kinh doanh ở Việt Nam gây nhiều cách hiểu khác nhau về nộp “trực tiếp”. Đối với các tổ chức này, cơ sở sản xuất kinh doanh tại Việt Nam có thể đứng ra nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ. |
| **Điều 170. Đình chỉ, phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng** | **Điều 170. Đình chỉ, phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 170* |
| 1. Bằng bảo hộ giống cây trồng có thể bị đình chỉ hiệu lực trong các trường hợp sau đây:  a) Giống cây trồng được bảo hộ không còn đáp ứng điều kiện về tính đồng nhất và tính ổn định như tại thời điểm cấp Bằng;  b) Chủ bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực theo quy định;  c) Chủ bằng bảo hộ không cung cấp tài liệu, vật liệu nhân giống cần thiết để duy trì và lưu giữ giống cây trồng theo quy định;  d) Chủ bằng bảo hộ không thay đổi tên giống cây trồng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng.  2. Trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ra quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, khi hết thời hạn nộp lệ phí duy trì hiệu lực, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ra quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng kể từ ngày đầu tiên của năm hiệu lực tiếp theo mà lệ phí duy trì hiệu lực không được nộp. | 3. Trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, khi hết thời hạn nộp lệ phí duy trì hiệu lực, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng ra quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng **trong phạm vi 60 ngày** kể từ ngày đầu tiên của năm hiệu lực tiếp theo mà lệ phí duy trì hiệu lực không được nộp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 do quy định hiện hành chưa xác định rõ thời hạn ra quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng, gây khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện khi chủ Bằng không nộp lệ phí duy trì hiệu lực theo quy định. Cụ thể, theo quy định hiện hành, ngay sau khi hết thời hạn nộp lệ phí, cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng phải ra quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ. Điều này đồng nghĩa với việc nếu không ra quyết định đúng vào thời điểm đó thì sẽ bị coi là chậm, muộn, gây áp lực không cần thiết và thiếu tính khả thi trong thực tiễn áp dụng. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về khoảng thời gian 60 ngày kể từ ngày đầu tiên của năm hiệu lực tiếp theo để cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ hiệu lực Bằng bảo hộ. Việc này nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện, đồng thời bảo đảm tính hợp lý, minh bạch và khả thi của quy định pháp luật. |
| ***Mục 2. ĐƠN VÀ THỦ TỤC XỬ LÝ ĐƠN ĐĂNG KÝ BẢO HỘ*** | | |
| **Điều 176. Thẩm định hình thức đơn đăng ký bảo hộ** | **Điều 176. Thẩm định hình thức đơn đăng ký bảo hộ** | *Sửa đổi, bổ sung điểm b và điểm d khoản 3 Điều 176* |
| 3. Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thực hiện các thủ tục sau đây:  a) Đơn không đáp ứng các yêu cầu về hình thức theo quy định;  b) Thông báo cho người đăng ký khắc phục những thiếu sót trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và ấn định trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, người đăng ký phải khắc phục các thiếu sót đó;  c) Đơn do người không có quyền đăng ký nộp, kể cả trường hợp quyền đăng ký thuộc nhiều tổ chức, cá nhân, nhưng một hoặc nhiều người trong số đó không đồng ý thực hiện việc đăng ký.  d) Thông báo chấp nhận đơn, yêu cầu người đăng ký gửi mẫu giống đến cơ sở khảo nghiệm để tiến hành khảo nghiệm kỹ thuật trong thời hạn ba mươi ngày trước thời vụ gieo trồng đầu tiên, kể từ ngày ban hành thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng đó, trừ trường hợp giống cây trồng do người đăng ký tự khảo nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 178 của Luật này nếu đơn này hợp lệ hoặc người đăng ký khắc phục thiếu sót đạt yêu cầu hoặc có ý kiến xác đáng phản đối thông báo quy định tại điểm b khoản này. | b) Thông báo cho người đăng ký khắc phục những thiếu sót trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và ấn định trong thời hạn ~~ba~~ **sáu** mươi ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, người đăng ký phải khắc phục các thiếu sót đó;  d) Thông báo chấp nhận đơn, yêu cầu người đăng ký gửi mẫu giống đến cơ sở khảo nghiệm để tiến hành khảo nghiệm kỹ thuật trong thời hạn ba mươi ngày trước thời vụ gieo trồng đầu tiên, kể từ ngày ban hành thông báo chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng đó, trừ trường hợp giống cây trồng do người đăng ký tự khảo nghiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 178 của Luật này nếu đơn này hợp lệ hoặc người đăng ký khắc phục thiếu sót đạt yêu cầu hoặc có ý kiến xác đáng phản đối thông báo quy định tại điểm b khoản này. **Trường hợp người đăng ký tự thực hiện khảo nghiệm kỹ thuật, việc khảo nghiệm phải được bắt đầu và tiến hành trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận hợp lệ.** | - Điểm d: Sửa đổi, bổ sung nhằm quy định chi tiết đối với các trường hợp khảo nghiệm kỹ thuật do người đăng ký tự thực hiện tránh tình trạng đơn đăng ký bị treo trong thời gian dài. Thực tiễn hiện nay, nhiều đơn đăng ký sau khi được chấp nhận hợp lệ chưa thể triển khai khảo nghiệm DUS do nhiều nguyên nhân nhưng chưa có quy định cụ thể để từ chối cấp bằng đối với các Đơn này dẫn tới tình trạng Đơn bị treo, kéo dài thời gian cấp bằng bảo hộ.  Dự kiến quy định chuyển tiếp cho Điều này: “Các đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng đã nộp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện khảo nghiệm kỹ thuật, thời hạn 24 tháng sẽ được tính từ thời điểm Luật này có hiệu lực”. |
| **Điều 178. Thẩm định nội dung đơn đăng ký bảo hộ** | **Điều 178. Thẩm định nội dung đơn đăng ký bảo hộ** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 178* |
| 1. Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng thẩm định nội dung đối với đơn được chấp nhận là hợp lệ. Nội dung thẩm định bao gồm:  a) Thẩm định tính mới và tên gọi phù hợp của giống cây trồng;  b) Thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật đối với giống cây trồng.  2. Khảo nghiệm kỹ thuật là tiến hành các thí nghiệm nhằm xác định tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống cây trồng.  Việc khảo nghiệm kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân có năng lực tiến hành khảo nghiệm giống cây trồng thực hiện theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.  Cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng có thể sử dụng kết quả khảo nghiệm kỹ thuật đã có trước đó. |  | Giữ nguyên quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 3. Thời hạn thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật là chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được kết quả khảo nghiệm kỹ thuật | 3. Thời hạn thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật là **sáu mươi ngày**, kể từ ngày nhận được kết quả khảo nghiệm kỹ thuật. | Thời hạn thẩm định kết quả khảo nghiệm kỹ thuật để cấp Bằng bảo hộ cần được điều chỉnh rút ngắn, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thúc đẩy nhanh việc thương mại giống cây trồng mới. |
| **Điều 183. Cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 183* | *Sửa đổi, bổ sung Điều 183* |
| Trong trường hợp đơn đăng ký bảo hộ không bị từ chối theo quy định tại Điều 182 của Luật này và người đăng ký nộp lệ phí thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ.  Người đăng ký quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại Điều 164 của Luật này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng là chủ sở hữu quyền đối với giống cây trồng | Trong trường hợp đơn đăng ký bảo hộ không bị từ chối theo quy định tại Điều 182 của Luật này và người đăng ký nộp lệ phí thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng quyết định cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ.  ~~Người đăng ký quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại Điều 164 của Luật này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng là chủ sở hữu quyền đối với giống cây trồng.~~  **Tổ chức, cá nhân đăng ký quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 164 của Luật này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng là chủ sở hữu quyền đối với giống cây trồng.**  **Tổ chức đăng ký quyền đối với giống cây trồng theo quy định tại điểm b1) khoản 2 Điều 164 của Luật này và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng đại diện thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với giống cây trồng.** | Việc sửa đổi này nhằm bổ sung quy trình thủ tục một cách rõ ràng, chi tiết và hợp lý hơn, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình đăng ký và hoàn tất thủ tục bảo hộ giống cây trồng. Quy định mới giúp người đăng ký dễ dàng theo dõi tiến độ, thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng thời hạn, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý và tính minh bạch trong hoạt động cấp Bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. |
| ***Mục 2. GIỚI HẠN QUYỀN ĐỐI VỚI GIỐNG CÂY TRỒNG*** | | |
| **Điều 191. Nghĩa vụ của chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng** | **Điều 191. Nghĩa vụ của chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 191* |
| 1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả giống cây trồng theo thỏa thuận; trường hợp không có thỏa thuận thì mức thù lao trả cho tác giả quy định như sau:  a) 10% lợi nhuận trước thuế mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng thu được do sử dụng giống cây trồng được bảo hộ để sản xuất, kinh doanh;  b) 15% tổng số tiền mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng trước khi nộp thuế theo quy định;  c) 35% tổng số tiền mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng nhận được từ việc chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng trong lần đầu tiên trước khi nộp thuế theo quy định và không được nhận thù lao đối với lần chuyển nhượng tiếp theo và thù lao theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.  2. Đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng trả thù lao cho tác giả theo quy định sau đây:  a) Tối thiểu 10% và tối đa 15% lợi nhuận trước thuế mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng thu được do sử dụng giống cây trồng được bảo hộ để sản xuất, kinh doanh;  b) Tối thiểu 15% và tối đa 20% tổng số tiền mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng trước khi nộp thuế theo quy định;  c) Tối thiểu 20% và tối đa 35% tổng số tiền mà chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng nhận được từ việc chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng trong lần đầu tiên trước khi nộp thuế theo quy định và không được nhận thù lao đối với lần chuyển nhượng tiếp theo và thù lao theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này.  3. Trong trường hợp giống cây trồng có đồng tác giả, mức thù lao quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là mức dành cho các đồng tác giả; các đồng tác giả tự thỏa thuận việc phân chia số tiền thù lao do chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng chi trả.  4. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả tồn tại trong suốt thời hạn bảo hộ giống cây trồng. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
| 5. Nộp lệ phí duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng cho cơ quan bảo hộ giống cây trồng trong thời hạn ba tháng sau ngày cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng đối với năm hiệu lực đầu tiên và trong tháng đầu tiên của năm hiệu lực tiếp theo đối với các năm sau. | 5. Nộp lệ phí duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng cho cơ quan bảo hộ giống cây trồng trong thời hạn ba tháng ~~sau ngày cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng đối với năm hiệu lực đầu tiên và trong tháng đầu tiên của~~ **trước ngày đầu tiên** của năm hiệu lực tiếp theo ~~đối với các năm sau~~. | Việc sửa đổi này nhằm làm rõ thời điểm nộp lệ phí, đơn giản hóa quy trình thực hiện nghĩa vụ tài chính cho chủ Bằng và phù hợp với thực tiễn triển khai. Quy định theo hướng “nộp trước” giúp chủ Bằng chủ động hơn trong việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng thời hạn, tránh tình trạng quá hạn gây mất hiệu lực của Bằng bảo hộ, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp của chủ thể quyền trong suốt thời gian bảo hộ.  Dự kiến quy định chuyển tiếp cho Điều này: Đối với các Bằng bảo hộ có thời điểm đến hạn nộp lệ phí duy trì cho năm hiệu lực tiếp theo trong vòng 30 ngày trước hoặc sau ngày Luật này có hiệu lực, việc nộp lệ phí duy trì được thực hiện theo quy định pháp luật trước thời điểm Luật này có hiệu lực |
| **Điều 196. Thẩm quyền và thủ tục chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo quyết định bắt buộc** | **Điều 196. Thẩm quyền và thủ tục chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng theo quyết định bắt buộc** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 96* |
| 1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình trên cơ sở xem xét yêu cầu được chuyển giao quyền sử dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 195 của Luật này | 1. ~~Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn~~ **Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** ban hành quyết định chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình trên cơ sở xem xét yêu cầu được chuyển giao quyền sử dụng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 195 của Luật này | Phù hợp với quy định về phân cấp, phân quyền. |
| **Phần V. BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ** | | |
| **Chương XVI. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ** | | |
| **Điều 198. Quyền tự bảo vệ** | **Điều 198. Quyền tự bảo vệ** | *Sửa đổi, bổ sung câu dẫn khoản 1, điểm a khoản 1, khoản 5 và bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1 Điều 198* |
| 1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:  a) Áp dụng biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, đưa thông tin quản lý quyền hoặc áp dụng các biện pháp công nghệ khác nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;  b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, gỡ bỏ và xóa nội dung vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;  c) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;  d) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. | 1. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để **quản lý và** bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình:  a) ~~Áp dụng biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, đ~~Đưa thông tin quản lý quyền**,** ~~hoặc~~ áp dụng ~~các~~ **biện pháp công nghệ bảo vệ quyền** hoặc áp dụng các biện pháp công nghệ khác nhằm **quản lý và** ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;  **đ) Sử dụng hòa giải thương mại để giải quyết tranh chấp, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.** | - Sửa đổi, bổ sung câu dẫn khoản 1, điểm a khoản 1:  Gần đây xuất hiện nhiều công nghệ mới, đang là xu hướng ứng dụng trong các hoạt động trên môi trường số. Trong lĩnh vực SHTT, các công nghệ blockchain, NFT… giúp chủ thể quyền định danh, quản lý quyền SHTT của mình trên môi trường số, thuận lợi cho các giao dịch mua bán, chuyển nhượng … trên môi trường số.  Vẫn đảm bảo quy định quét “các biện pháp công nghệ khác” nhằm bao quát các công nghệ chưa được liệt kê, công nghệ mới có thể phát sinh trong tương lai.  - Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1:  Hòa giải thương mại là biện pháp giải quyết tranh chấp hiệu quả, đặc biệt trong các vụ việc liên quan đến xâm phạm quyền SHTT, giúp các bên tiết kiệm thời gian, chi phí và duy trì mối quan hệ kinh doanh. Việc khuyến khích sử dụng các biện pháp này cũng được nêu trong Hiệp định TRIPS, có trong pháp luật của nhiều nước và khu vực trên thế giới như Liên minh châu Âu, Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Mỹ, v.v., phù hợp với Chiến lược SHTT Việt Nam. |
| 5. Tổ chức, cá nhân lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên lạm dụng thủ tục đó phải bồi thường cho những thiệt hại do việc lạm dụng gây ra, trong đó bao gồm chi phí hợp lý để thuê luật sư. Hành vi lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm hành vi cố ý vượt quá phạm vi hoặc mục tiêu của thủ tục này. | **PA1 giữ nguyên theo quy định hiện hành**  5. Tổ chức, cá nhân lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên lạm dụng thủ tục đó phải bồi thường cho những thiệt hại do việc lạm dụng gây ra, trong đó bao gồm chi phí hợp lý để thuê luật sư. Hành vi lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồmhành vi cố ý vượt quá phạm vi hoặc mục tiêu của thủ tục này.  **PA2:**  5. Tổ chức, cá nhân lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân bị thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án buộc bên lạm dụng thủ tục đó phải bồi thường cho những thiệt hại do việc lạm dụng gây ra, trong đó bao gồm chi phí hợp lý để thuê luật sư. Hành vi lạm dụng thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bao gồm hành vi **thực hiện thủ tục bảo vệ quyền bởi tổ chức, cá nhân không phải chủ thể có quyền theo quy định tại các khoản 1, 1a, 2 và 3 của Điều này hoặc** **hành vi** ~~cố ý~~ **thực hiện** vượt quá phạm vi hoặc mục tiêu của thủ tục này. | *Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 198:*  - PA1: giữ nguyên quy định hiện hành;  - PA2:Đề xuất bổ sung "hành vi thực hiện thủ tục bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ mà không phải chủ thể có quyền" để làm rõ hơn yếu tố "cố ý lạm dụng" và phù hợp với các cam kết quốc tế về phòng chống lạm dụng thủ tục. |
| **Điều 198b. Trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian** | **Điều 198b. Trách nhiệm pháp lý về quyền sở hữu trí tuệ ~~tác giả, quyền liên quan~~ đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian** | *Sửa tên điều và bổ sung khoản 5a sau khoản 5 Điều 198b* |
| 1. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.  2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian có trách nhiệm triển khai các biện pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.  3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm pháp lý đối với hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet liên quan đến việc cung cấp hoặc sử dụng dịch vụ của mình trong các trường hợp sau đây:  a) Chỉ thực hiện việc truyền dẫn nội dung thông tin số hoặc cung cấp khả năng truy nhập đến nội dung thông tin số;  b) Khi thực hiện chức năng lưu trữ đệm trong quá trình truyền dẫn thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phải thực hiện một cách tự động, tạm thời nhằm mục đích trung chuyển thông tin và làm cho việc truyền dẫn thông tin hiệu quả hơn, với các điều kiện sau: chỉ biến đổi thông tin vì lý do công nghệ; tuân thủ các điều kiện truy nhập, sử dụng nội dung thông tin số; tuân thủ các quy tắc về cập nhật nội dung thông tin số được quy định cụ thể theo cách thức được ngành công nghiệp thừa nhận và sử dụng rộng rãi; không ngăn cản việc sử dụng hợp pháp công nghệ được thừa nhận rộng rãi trong ngành công nghiệp để lấy dữ liệu về việc sử dụng nội dung thông tin số; gỡ bỏ nội dung thông tin số hoặc không cho truy nhập đến nội dung thông tin số khi biết rằng nội dung thông tin số đó đã được gỡ bỏ tại nguồn khởi đầu hoặc nguồn khởi đầu đã hủy việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó;  c) Lưu trữ nội dung thông tin số của người sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của người sử dụng dịch vụ với các điều kiện sau: không biết rằng nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; có hành động nhanh chóng gỡ bỏ hoặc ngăn chặn việc truy nhập đến nội dung thông tin số đó khi biết rằng nội dung thông tin số đó xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;  d) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.  4. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian được miễn trừ trách nhiệm pháp lý theo quy định tại khoản 3 Điều này không phải tự giám sát dịch vụ của mình hoặc chủ động tìm kiếm các bằng chứng chỉ ra hành vi xâm phạm.  5. Nội dung thông tin số quy định tại Điều này là tác phẩm và các đối tượng quyền liên quan được bảo hộ theo quy định của Luật này được thể hiện dưới dạng số. |  | Giữ nguyên các quy định này theo Luật SHTT 2022. |
|  | **5a. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian theo quy định tại khoản 1 Điều 198b có trách nhiệm triển khai các biện pháp kỹ thuật, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các chủ thể quyền thực thi các biện pháp bảo vệ đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và tên thương mại trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.** | Bổ sung trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung gian đối với các hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và tên thương mại trên môi trường số. |
|  | **Điều 198c. Trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp** | Bổ sung Điều 198c sau Điều 198b |
|  | **Chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có các trách nhiệm sau đây:**  **1. Tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật này và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.**  **2. Báo cáo trực tuyến thông qua Nền tảng Quản lý hoạt động thương mại điện tử theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.**  **3. Có biện pháp kiểm tra, rà soát và xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.**  **4. Gỡ bỏ thông tin về hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong thời gian sớm nhất không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.** | Với sự phát triển của Internet và thương mại điện tử, các hành vi xâm phạm quyền SHTT trên môi trường kỹ thuật số ngày càng phố biến và phức tạp đặc biệt là các hành vi sao chép lậu quyền tác giả và giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý. Dự thảo Luật bổ sung một số quy định về trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp liên quan đến việc bảo vệ quyền SHTT trên môi trường điện tử nhằm tăng cường hiệu quả của việc bảo vệ quyền SHTT trên môi trường điện tử. |
| **Điều 200. Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ** | **Điều 200. Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và 3 Điều 200* |
| 1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan Tòa án, Thanh tra, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. | “1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan Tòa án, Thanh tra, Quản lý thị trường, Hải quan, **Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ**, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. | - Bổ sung 02 lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đối với những hành vi xuất khẩu, nhập khẩu xảy ra tại khu vực biên giới, cửa khẩu, vùng biển bao gồm: Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển để thống nhất với quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (Điều 37a về Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính).  (Luật số 88/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “Thủ trưởng cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.) |
| 3. Việc áp dụng biện pháp hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp. Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. | 3. Việc áp dụng biện pháp hành chính thuộc thẩm quyền của cơ quan Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, **Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển,** **cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ**, Ủy ban nhân dân các cấp. Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật. |
| **Điều 201. Giám định về sở hữu trí tuệ** | **Điều 201. Giám định về sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 5, bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 201* |
| 2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp, tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này. | 2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp **công lập, cơ sở ngoài công lập,** tổ chức hành nghề luật sư được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật có ít nhất một cá nhân có Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ được thực hiện hoạt động giám định về sở hữu trí tuệ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2a Điều này. | Sửa đổi kỹ thuật thành “đơn vị sự nghiệp công lập” theo quy định của Luật Viên chức.  “Cơ sở ngoài công lập” theo quy định tại Nghị định số 53/2006/NĐ-CP. |
| 3. Cá nhân có đủ các điều kiện sau đây được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ:  a) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  b) Thường trú tại Việt Nam;  c) Có phẩm chất đạo đức tốt;  d) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ năm năm trở lên và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định. | 3. Cá nhân có đủ các điều kiện sau đây được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ:  a) Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;  b) Thường trú tại Việt Nam;  ~~c) Có phẩm chất đạo đức tốt;~~  d) Có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đó từ năm năm trở lên và **được chứng nhận** đạt **yêu cầu khóa bồi dưỡng** ~~kiểm tra~~ nghiệp vụ về giám định **hoặc đã có ít nhất 15 năm liên tục trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về sở hữu trí tuệ tại cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.** | Quy định có phẩm chất đạo đức tốt còn mang tính định tính. Khi thực hiện thủ tục hành chính về cấp Thẻ giám định viên cho cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định, còn gặp khó khăn trong xác định tiêu chí, cơ sở nào về phẩm chất đạo đức của cá nhân. Bỏ quy định này nhằm cắt giảm yêu cầu, điều kiện đặt ra với cá nhân được xem xét cấp Thẻ giám định viên SHTT.  Bổ sung quy định về miễn tham gia khóa đào tạo đối với trường hợp có ít nhất 15 năm liên tục trực tiếp làm công tác soạn thảo và hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về SHTT; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về sở hữu trí tuệ tại cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về SHTT. |
|  | **3a. Trường hợp người được cấp thẻ giám định viên không còn đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu trí tuệ.** | Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 201 theo hướng bổ sung quy định về trường hợp bị thu hồi Thẻ giám định viên SHTT. |
| 5. Kết luận giám định là một trong các nguồn chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết vụ việc. Kết luận giám định không kết luận về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc kết luận về vụ tranh chấp. | **5. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có quyền trưng cầu giám định về sở hữu trí tuệ khi giải quyết vụ việc mà mình đang thụ lý.** Kết luận giám định là một trong các nguồn chứng cứ để cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết vụ việc. Kết luận giám định không kết luận về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc kết luận về vụ tranh chấp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 201 theo hướng bổ sung quy định về trưng cầu giám định về sở hữu trí tuệ. |
| **Chương XVII. XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ** | | |
| **Điều 202. Các biện pháp dân sự** | **Điều 202. Các biện pháp dân sự** | *Sửa đổi, bổ sung khoản 5, bổ sung các khoản 6 và 7 vào sau khoản 5 Điều 202* |
| 5. Buộc tiêu huỷ hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hoá, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. | 5. Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ **trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này**. |  |
|  | **Bổ sung khoản 6 và khoản 7 vào sau khoản 5:**  **6. Buộc tiêu hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ.** | Bổ sung quy định tại khoản 6 để bảo đảm đáp ứng hoàn toàn nghĩa vụ tại điểm b khoản 12 Điều 18.74 Hiệp định CPTPP; đồng thời tăng tính răn đe của các biện pháp bảo vệ quyền SHTT.  Bổ sung quy định tại khoản 7 về việc áp dụng biện pháp dân sự đối với hành vi xâm phạm quyền xảy ra trên môi trường số nhằm tăng cường hiệu quả của việc bảo vệ quyền SHTT trên môi trường số. |
|  | **7. Buộc gỡ bỏ, ẩn hoặc vô hiệu hóa truy cập đến thông tin, nội dung, tài khoản, trang, nhóm, kênh, ứng dụng hoặc các định danh số có liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ** |
| **Điều 205. Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ** | **Điều 205. Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ** | *Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 và khoản 2 Điều 205* |
| 1. Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây thiệt hại về vật chất cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường theo một trong các căn cứ sau đây:  a) Tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền cộng với khoản lợi nhuận mà bị đơn đã thu được do thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nếu khoản lợi nhuận bị giảm sút của nguyên đơn chưa được tính vào tổng thiệt hại vật chất;  b) Giá chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ với giả định bị đơn được nguyên đơn chuyển giao quyền sử dụng đối tượng đó theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ trong phạm vi tương ứng với hành vi xâm phạm đã thực hiện;  c) Thiệt hại vật chất theo các cách tính khác do chủ thể quyền sở hữu trí tuệ đưa ra phù hợp với quy định của pháp luật;  d) Trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, nhưng không quá năm trăm triệu đồng. | d) Trong trường hợp không thể xác định được mức bồi thường thiệt hại về vật chất theo các căn cứ quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì mức bồi thường thiệt hại về vật chất do Tòa án ấn định, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, nhưng không quá ~~năm trăm triệu đồng~~ **một tỷ đồng.** | Mức bồi thường thiệt hại ấn định trước trong Luật hiện hành đã được xây dựng từ năm 2005, sau 20 năm, mức bồi thường này không còn phù hợp, cần phải tăng lên để nâng cao hiệu quả xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT. |
| 2. Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây thiệt hại về tinh thần cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường trong giới hạn từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tuỳ thuộc vào mức độ thiệt hại. | 2. Trong trường hợp nguyên đơn chứng minh được hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã gây thiệt hại về tinh thần cho mình thì có quyền yêu cầu Tòa án quyết định mức bồi thường trong giới hạn từ ~~năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng~~ **hai mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng**, tùy thuộc vào mức độ thiệt hại. |
| **Điều 207. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời** | **Điều 207. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời** | *Bổ sung điểm đ vào sau điểm d khoản 1, khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 207* |
| 1. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời sau đây được áp dụng đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, nguyên liệu, vật liệu, phương tiện sản xuất, kinh doanh hàng hóa đó:  a) Thu giữ;  b) Kê biên;  c) Niêm phong; cấm thay đổi hiện trạng; cấm di chuyển;  d) Cấm chuyển dịch quyền sở hữu. | **đ) Ẩn hoặc vô hiệu hóa truy cập đến thông tin, nội dung, tài khoản, trang, nhóm, kênh, ứng dụng hoặc các định danh số có liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ**. | Bổ sung biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng đối với hành vi xâm phạm quyền xảy ra trên môi trường số nhằm tăng cường hiệu quả của việc bảo vệ quyền SHTT trên môi trường số. |
|  | **3. Trường hợp nguyên đơn trong vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số đã nộp đơn khởi kiện kèm yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo toàn chứng cứ, Tòa án có nghĩa vụ, theo đề nghị của nguyên đơn, ra quyết định buộc tổ chức cung cấp dịch vụ Internet, nền tảng số, nhà cung cấp dịch vụ trung gian có liên quan cung cấp kịp thời thông tin định danh của bị đơn phục vụ cho việc xác định tư cách đương sự và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.**  **Việc cung cấp thông tin này phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng và chỉ sử dụng cho mục đích giải quyết vụ việc cụ thể.** | Tình trạng xâm phạm quyền SHTT trên môi trường số gia tăng nhanh chóng, đặc biệt trên các nền tảng mạng xã hội, sàn thương mại điện tử, dịch vụ chia sẻ nội dung trực tuyến. Các hành vi vi phạm này thường được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức ẩn danh, sử dụng thông tin giả mạo hoặc các biện pháp ẩn danh kỹ thuật (VPN, tên miền ẩn danh, tài khoản thanh toán trung gian...).  Theo quy định của Bộ luật TTDS, để khởi kiện hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nguyên đơn phải cung cấp thông tin cơ bản về bị đơn như tên, địa chỉ, phương thức liên lạc. Tuy nhiên, trong môi trường số, chủ thể quyền thường không thể thu thập các thông tin này mà chỉ các nhà cung cấp dịch vụ trung gian, nền tảng số hoặc trung gian thanh toán mới lưu giữ. |
| **Chương XVIII. XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH VÀ HÌNH SỰ; KIỂM SOÁT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU LIÊN QUAN ĐẾN SỞ HỮU TRÍ TUỆ** | | |
| ***Mục 1. XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH VÀ HÌNH SỰ*** | | |
| **Điều 211. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt vi phạm hành chính** | **Điều 211. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử phạt vi phạm hành chính** | *Sửa đổi, bổ sung các khoản 1 và 3, bổ sung khoản 4 sau khoản 3 Điều 211* |
| 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ sau đây bị xử phạt vi phạm hành chính:  a) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc cho xã hội;  b) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ quy định tại Điều 213 của Luật này hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;  c) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ tem, nhãn hoặc vật phẩm khác mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý giả mạo hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này. | 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hành vi ~~xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ~~ sau đây bị xử phạt vi phạm hành chính:  a) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, **bao gồm cả trường hợp đối tượng là hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ** ~~gây thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu, người tiêu dùng hoặc cho xã hội~~;  b) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ quy định tại Điều 213 của Luật này hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;  c) Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ tem, nhãn hoặc vật phẩm khác mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý giả mạo hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này. | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 để mở rộng hành vi xâm phạm quyền SHTT bị xử phạt vi phạm hành chính (mọi hành vi xâm phạm quyền SHTT đều bị xử phạt vi phạm hành chính); |
| 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về cạnh tranh. | 3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu trí tuệ thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định ~~của pháp luật về cạnh tranh~~. | - Sửa đổi, bổ sung khoản 3 theo hướng bỏ dẫn chiếu đến quy định của pháp luật cạnh tranh do Luật Cạnh tranh đã không còn các quy định về việc xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHTT, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh về SHTT được xử lý trên cơ sở của Luật SHTT và Luật Xử lý vi phạm HC và các văn bản hướng dẫn thi hành. |
|  | **4. Trường hợp các yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính không được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, chủ thể quyền có quyền thông báo về việc này cho cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu trí tuệ để thực hiện các biện pháp theo quy định của Chính phủ.** | Bổ sung khoản 4 về việc chỉ định cơ quan đầu mối giải quyết yêu cầu bảo vệ quyền SHTT khi các yêu cầu bảo vệ quyền của mình không được thực thi.  Hiện nay, Luật SHTT quy định nhiều cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm xử lý khi nhận được yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền của chủ thể quyền. Ngoài ra, một số chủ thể quyền, đặc biệt là các chủ thể quyền nước ngoài cũng cho rằng việc có quá nhiều cơ quan có thẩm quyền xử phạt khiến các chủ thể quyền lúng túng, không biết yêu cầu cơ quan nào khi phát hiện hành vi vi phạm. Do đó, cần thiết phải quy định cơ quan đầu mối và trách nhiệm của cơ quan đầu mối. |
| **Điều 212. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử lý hình sự** | **Điều 212. Hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị xử lý hình sự** | *Sửa đổi, bổ sung Điều 212* |
| Cá nhân, pháp nhân thương mại thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự. | Phương án 1:  Cá nhân, pháp nhân thương mại thực hiện hành vi xâm phạm quyền sở hữu **công nghiệp** ~~trí tuệ~~ **mà đối tượng là hàng giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan** có yếu tố cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.  Phương án 2: giữ nguyên như pháp luật hiện hành. | Sửa đổi, bổ sung quy định để làm rõ hơn các hành vi có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự. |
| **Phần VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | | |
| Điều 220. Điều khoản chuyển tiếp |  |  |
| Điều 221. Hiệu lực thi hành |  |  |
| Điều 222. Hướng dẫn thi hành |  |  |
|  | Điều XX. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật, nghị quyết có liên quan |  |
|  | **1. Bổ sung điểm c và điểm d vào sau điểm b khoản 1 Điều 225 của Bộ luật Hình sự như sau:**  “1. Người nào không được phép của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan mà cố ý thực hiện một trong các hành vi sau đây, xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan đang được bảo hộ tại Việt Nam, thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại cho chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng hoặc hàng hóa vi phạm trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm:  **c) Phân phối tín hiệu cáp, tính hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa;**  d) Sản xuất, nhập khẩu, phân phối thiết bị, sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ nhằm giải mã trái phép tín hiệu cáp, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.” | Thực hiện Điều 5 Hiệp định BTA, Hiệp định CPTPP, tương ứng với nội dung sửa tại Điều 3.  Bổ sung điểm c và d khoản 1 Điều 225 để quy định rõ hai nhóm hành vi phân phối trái phép tín hiệu cáp, vệ tinh mã hóa; sản xuất, nhập khẩu, phân phối thiết bị hoặc dịch vụ nhằm giải mã trái phép các tín hiệu này, bảo đảm tương thích với cam kết quốc tế, tăng hiệu quả thực thi, bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp và người sáng tạo. |
|  | **2. Sửa đổi, bổ sung Danh mục phí và Danh mục lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí, lệ phí số 97/2015/QH13 như sau:**  “a) Bổ sung vào mục 6.VII Danh mục phí:  “6.1. Phí thụ lý hồ sơ cấp, cấp lại, cấp đổi, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan  6.2. Phí tra cứu thông tin về quyền tác giả, quyền liên quan  6.3. Phí đính chính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan  6.4. Phí chấp thuận sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện quản lý  6.5. Phí chấp thuận sử dụng quyền dịch, quyền sao chép theo Phụ lục Công ước Berne  6.6. Phí phê duyệt biểu mức tiền bản quyền.”  b) Bổ sung vào mục 7.II Danh mục lệ phí:  “7.5. Lệ phí nộp đơn cấp, cấp lại, cấp đổi, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan  7.6. Lệ phí cấp, cấp lại, cấp đổi, huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.” |  |
|  | **Sửa đổi, bổ sung khoản 13a vào sau khoản 13 Điều 16 của Luật Thuế xuất nhập khẩu như sau:**  **Miễn thuế nhập khẩu cho nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được, được nhập khẩu để sản xuất sản phẩm trên cơ sở chủ yếu ứng dụng sáng chế được tạo ra tại Việt Nam. Thời gian được hưởng ưu đãi này là 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất. (sửa Luật thuế nhập khẩu)** |  |

1. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14 và Luật số 07/2022/QH15 [↑](#footnote-ref-1)